

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

Bùi Thị Hải Yến

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

Mã sinh viên: 2652020589

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MÀM NON

Bùi Thị Hải Yến

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

Mã sinh viên: 2652020589

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Xác nhận của GV hướng dẫn

Sinh viên thực hiện

ThS. Nguyễn Thị Tố Uyên

Bùi Thị Hải Yến

NINH BÌNH, 2026

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban Giám hiệu cùng toàn thể quý thầy cô giáo Trường Đại học Hoa Lư, đặc biệt là các thầy cô trong Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non đã tận tình giảng dạy, trang bị cho em những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới ThS. Nguyễn Thị Tố Uyên – Giảng viên Khoa Trung học, Trường Đại học Hoa Lư, người đã trực tiếp hướng dẫn em thực hiện khóa luận. Cô không chỉ tận tình chỉ bảo, định hướng mà còn luôn động viên, khích lệ em trong suốt quá trình nghiên cứu, giúp em mở rộng hiểu biết và hoàn thiện đề tài một cách tốt nhất.

Dù đã nỗ lực hết mình để hoàn thành khóa luận, song do hạn chế về thời gian và kinh nghiệm, bài viết khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô và các bạn để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày 21 tháng 05 năm 2026

Sinh viên

Bùi Thị Hải Yến

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài khóa luận: “Thiết kế Hoạt động Vận dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2” là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi.

Các số liệu, thống kê và kết quả nghiên cứu được trình bày trong khóa luận là trung thực, có nguồn gốc cụ thể, rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào trước đây. Tôi xin chịu trách nhiệm về sự cam đoan này.

Ninh Bình, ngày 21 tháng 05 năm 2026

Sinh viên

Bùi Thị Hải Yến

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài khóa luận tốt nghiệp Thiết kế Hoạt động Vận dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2 là công trình nghiên cứu của sinh viên Bùi Thị Hải Yến, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng. Đề tài đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp ngày 21/05/2026.

Ninh Bình, ngày 15 tháng 05 năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Tố Uyên

BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa
1	CT GDPT 2018	Chương trình Giáo dục phổ thông 2018
2	GV	Giáo viên
3	HS	Học sinh
4	HĐVD	Hoạt động Vận dụng
5	TN&XH	Tự nhiên và Xã hội
6	SGK	Sách giáo khoa
7	KHBD	Kế hoạch bài dạy

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Nhận thức của giáo viên về vai trò của Hoạt động Vận dụng.....	18
Bảng 1.2. Mức độ thiết kế và tổ chức Hoạt động Vận dụng.....	18
Bảng 1.3. Hình thức tổ chức Hoạt động Vận dụng.....	19
Bảng 1.4. Vai trò của Hoạt động Vận dụng.....	19
Bảng 1.5. Khó khăn khi tổ chức Hoạt động Vận dụng.....	20
Bảng 1.6. Nhu cầu về quy trình hướng dẫn	21
Bảng 1.7. Đề xuất của giáo viên	21
Bảng 1.8. Mức độ tham gia Hoạt động Vận dụng của HS.....	22
Bảng 1.9. Mức độ yêu thích Hoạt động Vận dụng của HS.....	22
Bảng 1.10. Hình thức Hoạt động Vận dụng học sinh yêu thích	23
Bảng 1.11. Hiệu quả của Hoạt động Vận dụng đối với việc hiểu bài.....	23
Bảng 1.12. Khó khăn của Học sinh khi tham gia Hoạt động Vận dụng.....	23
Bảng 1.13. Mục tiêu hoạt động	64
Bảng 1.14. Nội dung, tổ chức	64
Bảng 1.15. Khả năng vận dụng	65
Bảng 1.16. Mức độ tham gia	65
Bảng 1.17. Hướng dẫn tổ chức	66
Bảng 1.18. Khả năng áp dụng	67

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
1.1. Xuất phát đặc điểm của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	6
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI.....	8
1.1. Cơ sở lý luận	8
1.1.1. Khái quát Hoạt động Vận dụng trong dạy học	8
1.1.2. Khái quát nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 ..	12
1.1.3. Đặc điểm môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2	15
1.2. Cơ sở thực tiễn	17
1.2.1. Khái quát điều tra.....	17
1.2.2. Kết quả điều tra.....	18
TIỂU KẾT CHƯƠNG I.....	25
CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ HĐVD TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 2	27
2.1. Nguyên tắc thiết kế Hoạt động Vận dụng.....	27
2.2. Quy trình thiết kế Hoạt động Vận dụng.....	30
2.3. Thiết kế Hoạt động Vận dụng trong dạy học chủ đề “Trường học” và “Thực vật và Động vật” môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2.....	30
2.4. Đánh giá hiệu quả thiết kế Hoạt động Vận dụng.....	62
TIỂU KẾT CHƯƠNG II.....	69
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	70
1. Kết luận	70
2. Kiến nghị.....	71

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	72
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Xuất phát đặc điểm của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

CT GDPT 2018 được xây dựng dựa trên quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực HS, nhằm giúp các em “*làm chủ kiến thức, biết vận dụng hiệu quả, kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời*”. Chương trình xác định 5 phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, Nhân ái, Chăm chỉ, Trung thực, Trách nhiệm và 10 năng lực cốt lõi, trong đó có 3 năng lực chung và 7 năng lực đặc thù. Bên cạnh đó, theo định hướng của CT GDPT 2018, mỗi bài học trong môn TN&XH được thiết kế theo chuỗi hoạt động học tập gồm: Khởi động, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng, ở HĐVD HS được áp dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào các tình huống thực tiễn của cuộc sống, qua đó phát triển năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo và năng lực tự học. Trong đó, cấp tiểu học được xác định là bậc học nền tảng, đặt móng cho sự hình thành và phát triển hài hòa về phẩm chất, năng lực, thể chất và tinh thần của HS, bước khởi đầu quan trọng để hình thành ở HS năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng với sự thay đổi của xã hội trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

1.2. Xuất phát từ vai trò của Hoạt động Vận dụng

Theo Chương trình GDPT 2018, HĐVD là công cụ then chốt để phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, đảm bảo yêu cầu: “*HS không chỉ nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản mà cần biết vận dụng vào đời sống, từ đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*” [1].

Vai trò của hoạt động này được khẳng định toàn diện trên ba phương diện.

Thứ nhất, về nhận thức, HĐVD giúp học sinh củng cố tri thức, biến các khái niệm lý thuyết thành những hiểu biết thực tiễn sinh động, có ý nghĩa.

Thứ hai, về năng lực, hoạt động này đòi hỏi HS phải phát huy tư duy phản biện, kỹ năng quan sát và phân tích để giải quyết vấn đề, từ đó phát triển đồng bộ các năng lực chung lẫn năng lực đặc thù chuyên môn.

Thứ ba, về phẩm chất, các tình huống thực tiễn giúp nuôi dưỡng thái độ tích cực và các giá trị đạo đức cốt lõi ở người học. Do đó, thiết kế tốt HĐVD chính là giải pháp hiện thực hóa mục tiêu của Chương trình GDPT 2018.

1.3. Xuất phát từ đặc điểm, nội dung môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2

Môn TN&XH lớp 2 là một môn khoa học thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Tự nhiên trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đây là môn học mang tính tích hợp, kết hợp giữa kiến thức tự nhiên, con người, sức khỏe, xã hội và môi trường xung quanh, giúp HS hình thành những hiểu biết ban đầu, gần gũi với đời sống thực tế.

Nội dung giáo dục môn TN&XH được tổ chức theo các chủ đề: “*Gia đình, Trường học, Cộng đồng và địa phương, Thực vật và động vật, Con người và sức khỏe, Trái đất và bầu trời*”. Các chủ đề này đều gắn liền với đời sống hàng ngày của HS, bước đầu hình thành những hiểu biết cơ bản, thiết thực về bản thân, gia đình, trường học và cộng đồng, biết giữ gìn sức khỏe, an toàn cho bản thân, có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên, yêu quý con người và cuộc sống xung quanh. Với những chủ đề gần gũi, thực tiễn, môn học có đặc điểm nổi bật là tính tích hợp, trực quan và trải nghiệm. Để phát huy tối đa hiệu quả của môn học, việc tổ chức các HĐVD giữ vai trò vô cùng quan trọng, giúp HS không chỉ ghi nhớ kiến thức mà còn biết cách áp dụng vào thực tế cuộc sống, hình thành năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và hợp tác. Thông qua các tình huống thực hành, trò chơi, dự án hay trải nghiệm ngoài lớp học, HS được củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đồng thời phát triển phẩm chất yêu lao động, yêu thiên nhiên và có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.[2]

Xuất phát từ thực tế đó, em nhận thấy cần thiết phải nghiên cứu và thiết kế các HĐVD một cách khoa học, đa dạng và hiệu quả. Vì vậy em lựa chọn đề tài *Thiết kế Hoạt động Vận dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2* với sự mong muốn thiết kế hoạt động học tập tích cực nhằm giúp HS không chỉ hiểu mà còn vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, nâng cao hứng thú học tập và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Tình hình thế giới

Trên thế giới, nghiên cứu về việc tổ chức HĐVD kiến thức và kỹ năng cho HS tiểu học trong môn học gắn liền với đời sống như TN&XH đã được quan tâm từ rất sớm. Nhiều công trình giáo dục quốc tế nhấn mạnh rằng, quá trình học tập ở lứa tuổi này không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu tri thức lý thuyết, mà còn phải gắn liền với trải nghiệm, thực hành và giải quyết các tình huống thực tiễn. Nhiều quốc gia có nền giáo dục tiên tiến như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore, Phần Lan... đều xây dựng chương trình học theo định hướng phát triển năng lực, coi trọng việc HS biết vận dụng tri thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn thay vì chỉ ghi nhớ.

Các quốc gia bao gồm Canada, Australia, và các nước Bắc Âu đã thực hiện cải cách giáo dục để tích hợp các HĐVD vào giảng dạy. Các chương trình giáo dục hiện đại thường được thiết kế để kết nối lý thuyết với thực tiễn, khuyến khích HS phát triển kỹ năng sống và tư duy phản biện. Nhiều trường học trên toàn cầu đã áp dụng hoạt động thực tiễn vào chương trình học. Các dự án bảo vệ môi trường, nghiên cứu cộng đồng và các hoạt động ngoại khóa đã trở thành những hình thức học tập hiệu quả. Những hoạt động này không chỉ giúp HS áp dụng kiến thức lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề.

Tại Hoa Kỳ, chương trình giáo dục khoa học trong trường tiểu học được thiết kế theo chuẩn Next Generation Science Standards (NGSS), trong đó nhấn mạnh 3 thành tố: Kiến thức khoa học, Thực hành khoa học và Vận dụng để giải quyết vấn đề thực tiễn. HS được khuyến khích tham gia vào các dự án nhỏ như trồng cây, quan sát động vật, nghiên cứu môi trường xung quanh để hình thành năng lực nghiên cứu và tư duy khoa học.

Nghiên cứu của Darling- Hammond (2008) và Fullan (2014) cũng chỉ ra rằng: *“Dạy học gắn với vận dụng thực tiễn không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn góp phần hình thành năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo- những kỹ năng quan trọng của thế kỉ XXI”*. Nghiên cứu chỉ ra rằng việc dạy học gắn với vận dụng thực tiễn giúp HS hiểu sâu kiến thức, ghi nhớ lâu hơn, tăng cường khả năng tư duy, hợp tác và sáng tạo.[18] [19]

Tình hình nghiên cứu vấn đề vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn trong giảng dạy trên thế giới cho thấy sự chuyển mình mạnh mẽ trong phương pháp giáo dục hiện đại. Việc kết hợp lý thuyết với thực hành không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn chuẩn bị cho HS những kỹ năng cần thiết để thành công trong thế giới ngày càng thay đổi. Các nghiên cứu tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn, tạo điều kiện cho HS phát triển toàn diện và sẵn sàng đối mặt với các thách thức trong tương lai.

2.2. Tình hình trong nước

Ở Việt Nam, cùng với quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW (2013), vấn đề phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn của HS đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. [5]

Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học, Bộ GD&ĐT yêu cầu GV tổ chức dạy học theo hướng tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, giúp HS “*học qua làm*”, biết liên hệ kiến thức với cuộc sống hàng ngày.[3]

Lê Thị Anh Đào với bài: “*Thực trạng hoạt động dạy học môn TN&XH ở các Trường Tiểu học huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng*”. Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp dạy học truyền thống vẫn chiếm ưu thế, tập trung nhiều vào truyền đạt kiến thức lý thuyết và chưa khai thác hiệu quả các hoạt động thực hành, dẫn đến năng lực vận dụng kiến thức thực tiễn của HS còn hạn chế.[7]

Thạc sĩ Võ Thị Lan Phương và Nguyễn Thị Nga với bài: “*Thiết kế Hoạt động Vận dụng trong dạy học chủ đề Năng lượng và Sự biến đổi môn Khoa học tự nhiên 7*”. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận, quy trình thiết kế và đánh giá hiệu quả của HĐVD trong dạy học môn Khoa học. [16]

Trần Thị Kim Cúc (2021) với bài: “*Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cho học sinh thông qua dạy học trải nghiệm môn Tự nhiên*

và Xã hội”. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc thiết kế hoạt động theo chủ đề gắn liền với đời sống như: giữ vệ sinh trường học, bảo vệ môi trường sống, an toàn khi ở trường, giúp HS hình thành thói quen quan sát, phân tích, đánh giá và ra quyết định phù hợp trong các tình huống thực tiễn. [17]

Phạm Thị Ánh Hồng với bài: “*Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cho HS tiểu học trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội*”. Nghiên cứu này đề xuất tăng cường đào tạo GV về phương pháp dạy học phát triển năng lực, đồng thời thiết kế bài giảng gắn liền với các tình huống thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả học tập. [13]

Nguyễn Thị Nhàn và Ngô Hải Chi với tiểu luận “*Tìm hiểu nội dung, phương pháp dạy học chủ đề Thực vật và Động vật môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2- sách Kết nối tri thức với cuộc sống*”. Nghiên cứu đề xuất các biện pháp sư phạm và thực nghiệm để nâng cao chất lượng dạy học, phát huy khả năng quan sát, tìm tòi và khám phá của HS trong môn TN&XH. [11]

Sách giáo khoa môn TN&XH lớp 2, tài liệu chính thức đóng vai trò nền tảng cho quá trình tổ chức hoạt động dạy học ở môn TN&XH. Nội dung sách được xây dựng theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS, thể hiện rõ quan điểm “*học đi đôi với hành, kiến thức gắn liền với thực tiễn*”. [4]

Từ việc tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trong nước có thể nhận thấy rằng, vấn đề phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS tiểu học ngày càng được quan tâm trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Các công trình nghiên cứu đều khẳng định vai trò quan trọng của HĐVD và các hoạt động trải nghiệm trong việc giúp HS không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống hằng ngày.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng cho thấy thực tế dạy học môn TN&XH ở tiểu học vẫn còn tồn tại một số hạn chế như phương pháp dạy học còn nặng về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng đúng mức đến hoạt động thực hành và vận dụng. Điều này dẫn đến khả năng liên hệ thực tiễn, giải quyết vấn đề của HS chưa thực sự đồng đều và hiệu quả.

Nhiều tác giả đã đề xuất các biện pháp thiết kế HĐVD theo hướng gắn với tình huống thực tiễn, tăng cường trải nghiệm, quan sát, thực hành và khám phá. Đồng thời, việc tổ chức các hoạt động học tập linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lí và nhận thức của HS tiểu học được xem là yếu tố quan trọng nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS trong học tập.

Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào định hướng phát triển năng lực hoặc thiết kế hoạt động trong một số môn học, chủ đề cụ thể; chưa có nhiều công trình đi sâu vào việc thiết kế hệ thống HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2 theo CT GDPT 2018. Vì vậy, đề tài “Thiết kế Hoạt động Vận dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2” có ý nghĩa bổ sung và kế thừa các nghiên cứu trước, góp phần xây dựng cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc đổi mới tổ chức dạy học ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Thiết kế HĐVD trong dạy học môn Tự nhiên Xã hội lớp 2, nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn của HS.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

(1) Nghiên cứu cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của việc thiết kế HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

(2) Đề xuất nguyên tắc, quy trình thiết kế HĐVD môn TN&XH lớp 2.

(3) Thiết kế HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

(4) Đánh giá hiệu quả của HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- HĐVD chủ đề “Trường học”, “Thực vật và Động vật” môn TN&XH lớp 2.

- Đối tượng khảo sát: một số GV và HS lớp 2 ở trường Tiểu học trong địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2025 đến tháng 5/2026.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

- Nhóm phương pháp này được sử dụng để thu thập, phân tích, so sánh thông tin khoa học dựa trên việc nghiên cứu tài liệu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến đề tài.

5.2. Phương pháp điều tra

- Điều tra, tìm hiểu quan điểm và ý kiến của GV Tiểu học lớp 2 về việc tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH ở trường Tiểu học.

5.3. Phương pháp xin ý kiến chuyên gia

- Thu thập những ý kiến đánh giá của GV Tiểu học về thiết kế HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Đề tài bước đầu tìm hiểu vấn đề bồi dưỡng năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS Tiểu học trong chủ đề Trường học, Thực vật và Động vật nhằm góp phần hoàn thiện phương pháp dạy học.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu đề tài sau khi được nghiệm thu, các kế hoạch dạy học HĐVD sẽ là tư liệu dạy học góp phần nâng cao hiệu quả trong dạy học môn TN&XH, đồng thời góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS tiểu học.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái quát Hoạt động Vận dụng trong dạy học

1.1.1.1. Khái niệm hoạt động dạy học

a, Hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học là một bộ phận của hoạt động sư phạm, trong đó diễn ra sự tương tác giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Trước đây, hoạt động sư phạm thường được hiểu chủ yếu là hoạt động của người thầy, với vai trò trung tâm trong việc truyền thụ tri thức, còn HS giữ vai trò tiếp nhận thụ động. Quan niệm này hiện nay đã không còn phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục. [10]

Theo lý luận dạy học hiện đại, hoạt động dạy học được nhìn nhận là một chỉnh thể thống nhất gồm hai mặt không thể tách rời: hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS. Theo Thái Duy Tuyên (2018): “*Hoạt động của thầy và trò là hai mặt của một hoạt động*”. Quan điểm này khẳng định tính song hành và mối quan hệ mật thiết giữa dạy và học trong quá trình dạy học.[15]

Hoạt động dạy học mang tính tương tác đặc thù, bởi đây là hoạt động nghề nghiệp được tổ chức có mục đích, có kế hoạch và hướng tới mục tiêu chung là hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Trong quá trình đó, GV giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn và điều khiển hoạt động học; HS là chủ thể tham gia tích cực vào các hoạt động nhận thức, thực hành và vận dụng kiến thức. Sự tương tác trong hoạt động dạy học không chỉ diễn ra giữa GV và HS mà còn thể hiện ở việc GV căn cứ vào sự thay đổi của HS để điều chỉnh hoạt động dạy cho phù hợp.[14]

Xét từ góc độ tâm lý – giáo dục học, hoạt động dạy học là quá trình người lớn tổ chức và điều khiển hoạt động học tập của HS nhằm giúp các em lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, phát triển tâm lý và nhân cách. Hoạt động dạy của GV được thể hiện thông qua một hệ thống các hành động sư phạm như xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp, qua đó tạo điều kiện cho HS học tập một cách chủ động và hiệu quả.[8]

Mặc dù cùng hướng tới mục tiêu chung, hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS có tính độc lập tương đối. GV là chủ thể của hoạt động dạy, HS là chủ thể của hoạt động học; mỗi hoạt động có đặc điểm và yêu cầu riêng, song luôn gắn bó chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Hiệu quả của hoạt động dạy học phụ thuộc vào sự phối hợp hài hòa giữa vai trò tổ chức, định hướng của GV và tính tích cực, chủ động của HS.

Hoạt động dạy học là quá trình sư phạm mang tính tương tác, trong đó GV tổ chức, hướng dẫn và điều khiển các hoạt động học tập nhằm giúp HS chủ động chiếm lĩnh tri thức, hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay.[9]

b, Cấu trúc của hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học của GV được xem là một hệ thống các hành động sư phạm nhằm tổ chức và điều khiển hoạt động học tập của HS (Nguyễn Lăng Bình, 2010). Mỗi hoạt động dạy học được cấu trúc bởi các thành tố cơ bản, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bảo đảm cho quá trình dạy học diễn ra theo mục tiêu đã xác định.[9]

Theo quan điểm dạy học phát triển năng lực, cấu trúc của một hoạt động dạy học gồm bốn thành tố cơ bản: mục tiêu, nội dung, sản phẩm và tổ chức thực hiện.[1]

Mục tiêu hoạt động được hiểu là những yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi của HS thông qua hoạt động học tập. Mục tiêu định hướng cho toàn bộ quá trình tổ chức hoạt động, đồng thời là căn cứ để lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức và đánh giá kết quả học tập của HS.

Nội dung hoạt động là những nhiệm vụ học tập cụ thể mà HS cần thực hiện nhằm khám phá, chiếm lĩnh tri thức và vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề học tập. Nội dung hoạt động cần phù hợp với mục tiêu đã đề ra, gắn với đặc điểm nhận thức của HS và có ý nghĩa thực tiễn, tạo điều kiện để HS tham gia học tập một cách tích cực.

Sản phẩm hoạt động là kết quả học tập mà HS tạo ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có thể là câu trả lời, bài trình bày, sản phẩm thực hành hoặc kết

quả giải quyết tình huống. Sản phẩm hoạt động phản ánh mức độ đạt được mục tiêu học tập của HS và là cơ sở để GV và HS đánh giá kết quả học tập.

Tổ chức thực hiện hoạt động là quá trình GV và HS phối hợp thực hiện các nhiệm vụ học tập trong mối quan hệ tương tác. Quá trình này thường bao gồm các bước cơ bản như: chuyển giao nhiệm vụ, tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo và thảo luận kết quả, kết luận và nhận định. Trong đó, GV giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ; HS là chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động học tập. Việc tổ chức thực hiện hoạt động cần đảm bảo phát huy tính tích cực, chủ động của HS, đồng thời tạo điều kiện để các em tự đánh giá và rút ra kết luận từ quá trình học tập.

1.1.1.2. Hoạt động vận dụng trong dạy học

a, Khái niệm HĐVD

Trong dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, HĐVD giữ vai trò quan trọng trong việc giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Theo định hướng tổ chức dạy học được nêu trong Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, HĐVD có thể được hiểu là một bộ phận của quá trình dạy học, được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã lĩnh hội để giải quyết các nhiệm vụ học tập gắn với những tình huống thực tiễn cụ thể, qua đó góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS [3].

Theo Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên), vận dụng là “*đem kiến thức, lý luận đã học áp dụng vào thực tế*”. Dưới góc độ giáo dục học, vận dụng không chỉ là việc nhắc lại hay tái hiện kiến thức mà là quá trình HS huy động tổng hợp tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm cá nhân để xử lý các tình huống mới[7]. Nguyễn Văn Cường (2015) cho rằng vận dụng kiến thức là biểu hiện rõ nét của năng lực người học, thể hiện ở khả năng giải quyết vấn đề trong những bối cảnh học tập và đời sống đa dạng.[12]

Từ những quan niệm trên, có thể khái quát rằng HĐVD trong dạy học là những hoạt động học tập do GV tổ chức, trong đó HS chủ động áp dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn hoặc vào các tình huống học tập gắn gũi với

đời sống, qua đó củng cố tri thức, hình thành cách nhìn, cách suy nghĩ, cách hành động và năng lực giải quyết vấn đề. HĐVD không chỉ hướng tới kết quả học tập trước mắt mà còn góp phần định hình thái độ, hành vi và năng lực ứng xử của HS trong đời sống thực tiễn.

Xét về bản chất, HĐVD đòi hỏi sự phối hợp giữa GV và HS trong việc lựa chọn nội dung, tình huống và hình thức tổ chức phù hợp. Hoạt động này có thể được tổ chức trong hoặc ngoài lớp học, dưới nhiều hình thức khác nhau như cá nhân hoặc nhóm, với các sản phẩm học tập đa dạng. Tuy nhiên, điểm cốt lõi của HĐVD là hướng tới việc giúp HS học đi đôi với hành, từng bước hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

b, Thành phần của HĐVD

HĐVD trong dạy học được cấu thành bởi nhiều thành phần cơ bản có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, góp phần bảo đảm việc tổ chức hoạt động học tập theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS. Theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, HĐVD được thể hiện thông qua các thành phần chủ yếu như: mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập và cách thức tổ chức thực hiện [3].

Mục tiêu của HĐVD hướng tới việc giúp HS biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong học tập và đời sống. Thông qua đó, HS không chỉ củng cố và mở rộng kiến thức mà còn hình thành năng lực tư duy, khả năng giải quyết vấn đề, thái độ và hành vi phù hợp trong thực tiễn.

Nội dung của HĐVD là các nhiệm vụ học tập, tình huống hoặc vấn đề thực tiễn được GV lựa chọn và thiết kế nhằm tạo cơ hội cho HS huy động kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng đã có để thực hiện. Nội dung hoạt động cần bảo đảm phù hợp với mục tiêu bài học, đặc điểm nhận thức của HS và gắn với thực tiễn cuộc sống, từ đó tạo hứng thú và động cơ học tập cho các em.

Sản phẩm của HĐVD là kết quả mà HS tạo ra sau quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. Sản phẩm có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức như bài viết, tranh vẽ, sơ đồ, bảng thống kê, bài thuyết trình hoặc các sản phẩm sáng tạo khác. Đây không chỉ là minh chứng cho mức độ vận dụng kiến thức của HS mà còn là căn cứ để GV đánh giá kết quả học tập và sự phát triển phẩm chất, năng lực của các em.

Tổ chức thực hiện HĐVD là quá trình GV hướng dẫn và tạo điều kiện để HS tham gia thực hiện các nhiệm vụ học tập mang tính vận dụng. Quá trình này thường bao gồm các bước cơ bản như giao nhiệm vụ, tổ chức cho HS thực hiện, trao đổi và trình bày kết quả, nhận xét và đánh giá. Trong đó, GV giữ vai trò định hướng, hỗ trợ và điều phối hoạt động; HS là chủ thể tích cực tham gia, hợp tác và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c, Hình thức tổ chức HĐVD

HĐVD có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung bài học, đặc điểm của HS và điều kiện dạy học thực tế. Việc đa dạng hóa hình thức tổ chức không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập mà còn tạo cơ hội để HS được trải nghiệm, thực hành và vận dụng kiến thức vào đời sống.

Về không gian tổ chức, HĐVD có thể được thực hiện trong lớp học hoặc ngoài lớp học. Trong lớp học, GV tổ chức cho HS tham gia các nhiệm vụ như xử lý tình huống, thảo luận, thực hành hoặc trình bày sản phẩm học tập. Ngoài lớp học, HĐVD có thể được triển khai tại gia đình, trong khuôn viên nhà trường hoặc ở cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động quan sát, tìm hiểu thực tế, chăm sóc cây xanh, giữ gìn vệ sinh môi trường... Qua đó, HS có cơ hội gắn kiến thức đã học với các tình huống thực tiễn gần gũi trong cuộc sống.

Về hình thức tham gia, HĐVD có thể được tổ chức theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Hoạt động cá nhân giúp HS chủ động suy nghĩ, tự thực hiện nhiệm vụ và hình thành khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề. Hoạt động nhóm tạo điều kiện để HS trao đổi ý kiến, phân công nhiệm vụ, hợp tác và hỗ trợ lẫn

nhau trong quá trình học tập. Thông qua đó, HS được phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác và tinh thần trách nhiệm tập thể.

Về cách thức tổ chức, HĐVD được triển khai thông qua nhiều hình thức phong phú như:

Giải quyết tình huống: HS vận dụng kiến thức đã học để xử lý các tình huống gần gũi với thực tiễn đời sống. Hình thức này giúp HS rèn luyện khả năng tư duy, phân tích và đưa ra cách giải quyết phù hợp.

Thực hành: HS trực tiếp thực hiện các thao tác, hoạt động cụ thể nhằm củng cố kiến thức và hình thành kỹ năng. Ví dụ như thực hành vệ sinh cá nhân, phân loại rác hoặc chăm sóc cây trồng.

Trải nghiệm: HS tham gia vào các hoạt động thực tế để quan sát, khám phá và rút ra bài học cho bản thân. Hình thức này giúp HS tăng cường vốn hiểu biết và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Dự án học tập: HS thực hiện một nhiệm vụ học tập trong khoảng thời gian nhất định để tạo ra sản phẩm cụ thể. Trong quá trình thực hiện, HS cần tìm kiếm thông tin, hợp tác với bạn bè và vận dụng kiến thức từ nhiều nội dung học tập khác nhau.

Nhiệm vụ gắn với đời sống hằng ngày: GV giao cho HS thực hiện các công việc gần gũi trong cuộc sống như quan sát thời tiết, tìm hiểu cây cối xung quanh, giúp đỡ gia đình hoặc tuyên truyền bảo vệ môi trường. Những nhiệm vụ này giúp HS thấy được ý nghĩa thực tiễn của kiến thức đã học.

Việc lựa chọn và tổ chức HĐVD phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong quá trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Các hình thức tổ chức đa dạng không chỉ giúp HS củng cố kiến thức mà còn tạo điều kiện để các em phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

1.1.2. Khái quát nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2

Chương trình môn TN&XH ở tiểu học được xây dựng trên cơ sở định hướng chung của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, trong đó tích hợp các nội dung giáo dục khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhằm góp phần

hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HS. Ở lớp 2, nội dung môn học tiếp tục kế thừa và mở rộng những hiểu biết ban đầu của HS về thế giới TN&XH xung quanh theo hướng gần gũi, thiết thực và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của lứa tuổi.[2]

Về giáo dục khoa học tự nhiên, chương trình môn TN&XH lớp 2 giúp HS bước đầu hình thành thế giới quan khoa học, tình yêu thiên nhiên và ý thức tôn trọng các quy luật của tự nhiên. Thông qua việc tìm hiểu một số sự vật, hiện tượng phổ biến trong đời sống hằng ngày, HS được rèn luyện năng lực quan sát, khám phá và vận dụng kiến thức khoa học vào giải quyết những tình huống đơn giản trong thực tiễn. Nội dung giáo dục khoa học tự nhiên ở lớp 2 chú trọng đến việc giúp HS nhận thức được mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, từ đó hình thành thái độ ứng xử phù hợp với môi trường sống.[4]

Về giáo dục khoa học xã hội, chương trình hướng tới việc hình thành ở HS những hiểu biết ban đầu về bản thân, gia đình, nhà trường và cộng đồng địa phương. Thông qua các nội dung học tập, HS được bồi dưỡng các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, ý thức trách nhiệm và những phẩm chất nền tảng của công dân trong xã hội hiện đại. Đồng thời, môn học góp phần rèn luyện cho HS khả năng quan sát, tìm hiểu, tư duy và bước đầu biết phân tích, giải quyết những vấn đề xã hội đơn giản, gần gũi với cuộc sống.

Nội dung chương trình môn TN&XH lớp 2 được tổ chức theo 6 chủ đề cơ bản: Gia đình; Trường học; Cộng đồng địa phương; Thực vật và động vật; Con người và sức khỏe; Trái Đất và bầu trời. Các chủ đề này được xây dựng theo hướng phát triển đồng tâm, mở rộng và nâng cao dần từ lớp 1 đến lớp 3, đảm bảo tính kế thừa và phù hợp với sự phát triển nhận thức của HS. Riêng ở lớp 2, nội dung các chủ đề được mở rộng so với lớp 1 nhưng vẫn tập trung vào những hiện tượng, sự việc quen thuộc, gắn với trải nghiệm thực tế của HS.[4]

Chương trình môn học đặc biệt coi trọng việc tổ chức cho HS trải nghiệm, tìm tòi, khám phá và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, thông qua các hoạt động học tập đa dạng, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS đầu cấp tiểu học. Nội dung giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, bảo vệ môi trường, giữ

gìn sức khỏe và an toàn cá nhân được tích hợp một cách tự nhiên trong từng chủ đề, ở mức độ đơn giản, dễ hiểu.

Với thời lượng 70 tiết/năm học, chương trình môn TN&XH lớp 2 đã được tinh giản những nội dung mang tính hàn lâm, khó hoặc trùng lặp với các môn học khác, đồng thời bổ sung những nội dung mới có tính cập nhật và ứng dụng cao. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho GV linh hoạt lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là các HĐVD, nhằm giúp HS gắn kiến thức đã học với đời sống thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn TN&XH ở lớp 2.

1.1.3. Đặc điểm môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2

a, Đặc điểm môn TN&XH lớp 2

Môn TN&XH là môn học bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, được giảng dạy từ lớp 1 đến lớp 3. Ở lớp 2, môn học được tổ chức trong 35 tuần, với thời lượng 2 tiết/tuần, tương đương 70 tiết/năm học. Đây là giai đoạn học tập có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng ban đầu cho việc hình thành tri thức khoa học và xã hội của HS.[2]

Môn TN&XH lớp 2 được xây dựng trên cơ sở tích hợp các kiến thức cơ bản về thế giới TN&XH, giúp HS có những hiểu biết ban đầu về bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng địa phương cũng như các sự vật, hiện tượng quen thuộc trong đời sống hằng ngày. Thông qua nội dung môn học, HS từng bước hình thành và phát triển các kỹ năng học tập cơ bản như quan sát, nhận xét, đặt câu hỏi, tìm kiếm và xử lý thông tin, trình bày những hiểu biết của mình bằng các hình thức phù hợp với lứa tuổi.

Môn TN&XH lớp 2 coi trọng việc tổ chức cho HS tham gia các hoạt động học tập gắn với trải nghiệm thực tiễn. Quá trình học tập không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận kiến thức mà còn hướng tới việc hình thành cho HS thói quen tìm tòi, khám phá, phát hiện vấn đề dựa trên những “chứng cứ khoa học” ở mức độ đơn giản, phù hợp. Qua đó, HS bước đầu làm quen với các tiến trình nhận thức mang tính khoa học như quan sát, thu thập thông tin, so sánh, rút ra kết luận và vận dụng vào những tình huống cụ thể trong cuộc sống.

Bên cạnh đó, môn học góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực chung cho HS tiểu học, đồng thời đặt những viên gạch đầu tiên cho việc hình thành năng lực khoa học. Những hiểu biết và kỹ năng được hình thành trong môn TN&XH lớp 2 là cơ sở để HS tiếp tục học tập hiệu quả các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở các lớp 4, 5, cũng như các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội ở các cấp học tiếp theo.

Về mối quan hệ với các môn học và hoạt động giáo dục khác, môn TN&XH lớp 2 có sự liên hệ chặt chẽ với môn Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Việc tích hợp nội dung giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe, bảo vệ môi trường và ứng xử phù hợp với tự nhiên, xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động học tập mang tính liên môn, qua đó giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn một cách hiệu quả.

b, Quan hệ của Hoạt động vận dụng với chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2

Với nội dung mang tính tích hợp và gắn liền với đời sống, chương trình môn TN&XH lớp 2 có nhiều điều kiện thuận lợi để tổ chức các HĐVD cho HS. Các kiến thức về con người, sức khỏe, gia đình, nhà trường và môi trường đều có thể được vận dụng trực tiếp vào thực tiễn cuộc sống hằng ngày của HS.

Thông qua việc tổ chức các HĐVD, HS có cơ hội củng cố và mở rộng kiến thức đã học, đồng thời rèn luyện kỹ năng giải quyết những vấn đề đơn giản trong cuộc sống. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, giúp HS học tập tích cực, chủ động và có hứng thú hơn.

Trên cơ sở đó, có thể khẳng định rằng việc nghiên cứu và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2 không chỉ phù hợp với mục tiêu chương trình mà còn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Đây cũng chính là cơ sở lý luận quan trọng cho việc thiết kế các HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát điều tra

1.2.1.1. Mục đích điều tra

- Tìm hiểu nhận thức và vai trò HĐVD trong dạy học; thực trạng thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2. Nhằm thu thập thông tin làm cơ sở để từ đó có thể đề xuất các nguyên tắc, quy trình thiết kế, từ đó thiết kế và tổ chức các HĐVD trong các bài học thuộc chủ đề “Thực vật và Động vật” và “Trường học” môn TN&XH lớp 2.

1.2.1.2. Đối tượng và địa bàn điều tra

Để tìm hiểu thực trạng thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2, tôi đã tiến hành tìm hiểu qua phiếu khảo sát với 33 GV đang giảng dạy lớp 2 thuộc 5 trường Tiểu học trong địa bàn Tỉnh Ninh Bình: Trường Tiểu học Thanh Bình (8 GV); Trường Tiểu học Ninh Khang (4 GV); Trường Tiểu học Đông Thành (7 GV); Trường Tiểu học Trần Phú (8 GV); Trường Tiểu học Nam Thành (6 GV); 418 HS thuộc 2 trường Tiểu học Thanh Bình và trường Tiểu học Đông thành

1.2.1.3. Nội dung điều tra

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi tiến hành khảo sát và điều tra các GV và HS một số vấn đề cơ bản sau:

- Nhận thức, hiểu biết của GV về HĐVD và vai trò, ý nghĩa của HĐVD;
 - Thực trạng thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2;
 - Sự yêu thích, thái độ học tập và hứng thú của HS đối với các HĐVD;
- vai trò của HĐVD trong việc tiếp thu bài học của HS.

1.2.1.4. Các phương pháp điều tra

Những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình điều tra:

- Phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát: Chúng tôi đã xây dựng *Phiếu khảo sát* với các câu hỏi trắc nghiệm có sẵn phương án lựa chọn và câu hỏi mở cho GV và HS.
- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Sau khi trả lời các câu hỏi trong *Phiếu khảo sát*, GV và HS có thể chia sẻ thêm một số thông tin xoay quanh nội dung được khảo sát.

- Phương pháp thống kê toán học: Chúng tôi đã thu thập, xử lý và phân tích các số liệu điều tra.

1.2.2. Kết quả điều tra.

1.2.2.1. Đối với giáo viên

Bảng 1.1. Nhận thức của giáo viên về vai trò của Hoạt động Vận dụng

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Ôn lại kiến thức đã học	0	0
2	Áp dụng kiến thức vào thực tiễn	33	100
3	Kiểm tra, đánh giá kiến thức	0	0
4	Ghi nhớ kiến thức	0	0
Tổng		33	100

Nhìn vào bảng 1.1 ta thấy phần lớn GV (51,5%) đã hiểu đúng bản chất của HĐVD là giúp HS áp dụng kiến thức vào thực tiễn, điều này khẳng định trình độ của GV về mục tiêu cũng như nhiệm vụ hình thành năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học vào thực tiễn của HS được xác định rất rõ ràng. Cũng còn một bộ phận GV còn cho rằng HĐVD là ôn tập, kiểm tra hoặc ghi nhớ kiến thức đã học.

Bảng 1.2. Mức độ thiết kế và tổ chức Hoạt động Vận dụng

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Thường xuyên	14	42,4
2	Thỉnh thoảng	11	33,3
3	Ít khi	8	24,3
Tổng		33	100

Từ kết quả ở bảng 1.2 cho thấy, tỉ lệ GV thường xuyên thiết kế và tổ chức HĐVD khác SGK chiếm ưu thế, thể hiện các thầy cô đã đầu tư thiết kế linh hoạt và đa dạng các kế hoạch bài học vận dụng, có mở rộng, sáng tạo cũng như lồng ghép giáo dục kỹ năng sống ở HĐVD trong những tình huống cụ thể.

Một bộ phận GV thực hiện chưa thường xuyên thiết kế các HĐVD khác SGK chỉ sử dụng các gợi ý hay tổ chức dạy học theo tiến trình GSK đã có sẵn. Điều này chứng tỏ HĐVD đã được quan tâm và triển khai trong thực tế giảng

dạy. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận GV chưa duy trì việc tổ chức HĐVD một cách ổn định. Nguyên nhân có thể do hạn chế về thời gian tiết học, áp lực hoàn thành nội dung chương trình hoặc chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc thiết kế hoạt động phù hợp.

Bảng 1.3. Hình thức tổ chức Hoạt động Vận dụng

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Bài tập liên hệ thực tế	13	39,4
2	Thảo luận nhóm	8	24,2
3	Thực hành, hoạt động trải nghiệm	7	21,2
4	Đóng vai	5	15,2
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát cho thấy GV đã sử dụng nhiều hình thức khác nhau trong tổ chức HĐVD, tuy nhiên mức độ sử dụng chưa đồng đều. Trong đó, hình thức bài tập liên hệ thực tế được sử dụng nhiều nhất với 13/33 ý kiến, chiếm 39,4%. Điều này cho thấy GV đã bước đầu chú trọng đến việc gắn kiến thức với thực tiễn nhằm giúp HS dễ hiểu và dễ vận dụng. Tiếp theo là hình thức thảo luận nhóm với 24,2%, cho thấy GV cũng đã quan tâm đến việc phát huy tính hợp tác và trao đổi giữa HS. Tuy nhiên, tỉ lệ này chưa cao, chứng tỏ việc tổ chức hoạt động theo hướng tương tác vẫn còn hạn chế.

Các hình thức mang tính trải nghiệm và sáng tạo như thực hành (21,2%) và đóng vai (15,2%) có tỉ lệ thấp hơn. Điều này phản ánh thực tế rằng GV chưa thường xuyên sử dụng các hình thức này, mặc dù đây là những phương pháp có khả năng phát huy tính tích cực, hứng thú và năng lực thực hành của HS.

Nhìn chung, GV đã có sự đa dạng trong lựa chọn hình thức tổ chức HĐVD, nhưng vẫn còn thiên về các hình thức quen thuộc, dễ thực hiện. Việc chưa khai thác hiệu quả các hình thức trải nghiệm, đóng vai cho thấy cần có sự đổi mới mạnh mẽ hơn trong tổ chức dạy học nhằm nâng cao hiệu quả HĐVD và phát triển toàn diện năng lực HS.

Bảng 1.4. Vai trò của Hoạt động Vận dụng

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Rất quan trọng	16	48,5

2	Quan trọng	11	33,3
3	Bình thường	6	18,2
4	Không quan trọng	0	0
Tổng		33	100

Đa số GV đánh giá cao vai trò của HĐVD trong dạy học. Cụ thể, có 16/33 GV (48,5%) cho rằng HĐVD rất quan trọng và 11/33 GV (33,3%) đánh giá ở mức quan trọng. Như vậy, tổng cộng có tới 81,8% GV nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động này trong quá trình dạy học. Điều này cho thấy tuy mức độ nhận thức có khác nhau nhưng nhìn chung GV đều thừa nhận vai trò cần thiết của HĐVD. Từ kết quả trên có thể thấy rằng GV đã có nhận thức khá tích cực về vai trò của HĐVD, coi đây là một thành phần quan trọng trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, việc vẫn còn một bộ phận GV đánh giá ở mức bình thường cho thấy nhận thức chưa thực sự đồng đều, có thể ảnh hưởng đến mức độ đầu tư và hiệu quả tổ chức hoạt động này trong thực tế.

Bảng 1.5. Khó khăn khi tổ chức Hoạt động Vận dụng

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Khó khăn trong việc thiết kế hoạt động phù hợp	15	45,5
2	Hạn chế về thời gian trong tiết học	8	24,2
3	Thiếu học liệu, trang thiết bị hỗ trợ	6	18,2
4	Khó kiểm soát lớp, HS chưa tích cực	3	9,1
5	Ý kiến khác	1	3,0
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát ở bảng 1.5 cho thấy GV gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức HĐVD. Trong đó, khó khăn lớn nhất là việc thiết kế hoạt động phù hợp với 15/33 ý kiến, chiếm 45,5%. Điều này chứng tỏ, nhiều GV còn lúng túng trong việc xây dựng HĐVD sao cho phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm của HS.

Bên cạnh đó, hạn chế về thời gian trong tiết học cũng là một trở ngại đáng kể với 24,2% ý kiến lựa chọn. Nguyên nhân chủ yếu là do thời lượng tiết học có hạn, trong khi GV phải đảm bảo truyền đạt đầy đủ kiến thức theo chương trình.

Ngoài ra, các yếu tố như thiếu học liệu, trang thiết bị hỗ trợ (18,2%) và khó kiểm soát lớp, HS chưa tích cực (9,1%) cũng ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả tổ chức hoạt động. Tuy tỉ lệ không cao nhưng vẫn phản ánh những khó khăn thực tế trong quá trình dạy học.

Một số ý kiến khác chiếm tỉ lệ rất thấp (3,0%), cho thấy còn tồn tại những khó khăn riêng lẻ ở từng GV trong quá trình tổ chức HĐVD, như việc thiếu linh hoạt trong việc thiếu sự linh hoạt trong thiết kế hoạt động, hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế phim hoặc chưa có nhiều kinh nghiệm xây dựng các tình huống dạy học phù hợp.

Nhìn chung, những khó khăn trên xuất phát từ cả yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó nổi bật là năng lực thiết kế hoạt động và điều kiện tổ chức dạy học. Điều này đặt ra yêu cầu cần có các biện pháp hỗ trợ GV nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức HĐVD trong thực tiễn giảng dạy.

Bảng 1.6. Nhu cầu về quy trình hướng dẫn

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Có nhu cầu	24	72,7
2	Không có nhu cầu	9	27,3
Tổng		33	100

Nhìn vào bảng 1.6 ta thấy, đa số GV có nhu cầu được cung cấp quy trình hoặc hướng dẫn cụ thể, cho thấy sự cần thiết của việc hỗ trợ GV trong thiết kế HĐVD.

Bảng 1.7. Đề xuất của giáo viên

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Bổ sung học liệu	13	39,4
2	Tập huấn phương pháp, kỹ thuật dạy học.	10	30,3
3	Trang thiết bị hỗ trợ.	7	21,2
5	Ý kiến khác	3	9,1
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát ở bảng 1.7 cho thấy GV đã đưa ra nhiều đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức HĐVD trong dạy học. Trong đó, đề xuất được lựa chọn nhiều nhất là bổ sung học liệu, trang thiết bị hỗ trợ với 13/33 ý kiến, chiếm

39,4%. Điều này cho thấy điều kiện cơ sở vật chất và học liệu vẫn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai HĐVD.

Bên cạnh đó, tập huấn về phương pháp, kỹ thuật dạy học cũng được 30,3% GV lựa chọn. Điều này phản ánh nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn, đặc biệt là kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐVD một cách hiệu quả.

Ngoài ra, tăng thời gian cho tiết học chiếm 21,2%, cho thấy áp lực về thời lượng giảng dạy hiện nay vẫn là một rào cản khiến GV chưa thể tổ chức HĐVD một cách đầy đủ và sâu sắc.

Một số ý kiến khác chiếm tỉ lệ nhỏ (9,1%) nhưng cũng góp phần phản ánh thêm những nhu cầu đa dạng trong thực tiễn giảng dạy.

Từ những kết quả trên có thể thấy, các đề xuất của GV tập trung vào cả yếu tố điều kiện dạy học và năng lực tổ chức. Điều này là cơ sở quan trọng để đề tài đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức HĐVD trong dạy học tiểu học.

1.2.2.2. Đối với HS

Bảng 1.8. Mức độ tham gia Hoạt động Vận dụng của HS

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Thường xuyên	187	44,7
2	Thỉnh thoảng	143	34,2
3	Ít khi	88	21,1
Tổng		418	100

Kết quả ở bảng 1.8 cho thấy, phần lớn HS tham gia HĐVD ở mức thường xuyên và thỉnh thoảng. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận HS ít tham gia, điều này cho thấy mức độ tổ chức hoạt động chưa thật sự đồng đều, có thể do cá nhân các em chưa tích cực hoặc chưa hứng thú trong các hoạt động học tập

Bảng 1.9. Mức độ yêu thích Hoạt động Vận dụng của HS

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Rất thích	176	42,1
2	Thích	137	32,8

3	Bình thường	72	17,2
4	Không thích	33	7,9
Tổng		418	100

Từ số liệu bảng 1.9 có thể thấy, đa số HS có thái độ tích cực đối với HĐVD, thể hiện qua tỉ lệ cao ở mức “rất thích” và “thích”. Điều này chứng tỏ vận dụng có sức hấp dẫn đối với HS.

Bảng 1.10. Hình thức Hoạt động Vận dụng học sinh yêu thích

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Bài tập liên hệ thực tế	116	27,8
2	Thảo luận nhóm	92	22,0
3	Trò chơi, đóng vai	134	31,2
4	Hoạt động trải nghiệm	76	18,2
Tổng		418	100

Qua bảng 1.10 cho thấy, HS yêu thích nhất là các hoạt động đóng vai, trò chơi và các bài tập mang tính thực tiễn. Các hình thức khác cũng được lựa chọn nhưng với tỉ lệ thấp hơn, cho thấy nhu cầu được tham gia các hoạt động sinh động, hấp dẫn của HS.

Bảng 1.11. Hiệu quả của Hoạt động Vận dụng đối với việc hiểu bài

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Hiểu bài hơn nhiều	168	40,2
2	Hiểu hơn	147	35,2
3	Bình thường	71	17,0
4	Không hiểu bài	32	7,7
Tổng		418	100

Số liệu bảng 1.11 cho thấy, phần lớn HS nhận thấy HĐVD giúp các em hiểu bài tốt hơn. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít HS chưa cảm nhận rõ hiệu quả của hoạt động này

Bảng 1.12. Khó khăn của Học sinh khi tham gia Hoạt động Vận dụng

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Không hiểu yêu cầu	126	30,1
2	Không biết cách làm	113	27,0

3	Ngại tham gia	94	22,5
4	Không có khó khăn	85	20,3
Tổng		418	100

Dựa vào bảng 1.12 có thể thấy, HS gặp khó khăn chủ yếu ở việc hiểu yêu cầu và cách thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, tâm lý ngại tham gia cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, vẫn có một số HS không gặp khó khăn khi tham gia.

Từ kết quả khảo sát cho thấy, đa số HS có thái độ tích cực và hứng thú với HĐVD, đồng thời nhận thấy hoạt động này giúp các em hiểu bài tốt hơn. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn nhất định trong quá trình tham gia, đặc biệt là việc hiểu yêu cầu và cách thực hiện nhiệm vụ. Điều này đòi hỏi GV cần có sự hướng dẫn cụ thể và tổ chức hoạt động phù hợp với đặc điểm của từng HS.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đề tài “Thiết kế HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2”.

Về cơ sở lý luận, đề tài đã hệ thống hóa và phân tích các khái niệm liên quan đến hoạt động dạy học và HĐVD trong dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS. Trên cơ sở đó, đề tài làm rõ bản chất, vai trò, thành phần và các hình thức tổ chức HĐVD, nhấn mạnh đây là hoạt động giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống gắn với thực tiễn, qua đó góp phần hình thành năng lực vận dụng kiến thức, năng lực giải quyết vấn đề và các phẩm chất cần thiết.

Bên cạnh đó, đề tài cũng phân tích nội dung, đặc điểm chương trình môn TN&XH lớp 2, cho thấy đây là môn học mang tính tích hợp, gần gũi với đời sống, chú trọng trải nghiệm và thực hành. Nội dung chương trình được tổ chức theo các chủ đề quen thuộc, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động học tập gắn với thực tiễn. Điều này khẳng định HĐVD có vai trò quan trọng và phù hợp trong quá trình dạy học môn học này.

Về cơ sở thực tiễn, đề tài đã tiến hành khảo sát GV và HS nhằm tìm hiểu thực trạng nhận thức, mức độ tổ chức và hiệu quả của HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2. Nội dung khảo sát tập trung vào: nhận thức của GV về HĐVD; mức độ thiết kế và tổ chức hoạt động; các hình thức tổ chức; những khó khăn gặp phải; đồng thời tìm hiểu mức độ tham gia, hứng thú, hiệu quả tiếp thu và khó khăn của HS khi tham gia HĐVD.

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số GV đã nhận thức được vai trò quan trọng của HĐVD và bước đầu đã tổ chức trong dạy học. Tuy nhiên, việc thiết kế và triển khai hoạt động còn chưa đồng đều, vẫn còn một bộ phận GV chưa thực hiện thường xuyên hoặc còn phụ thuộc vào hoạt động có sẵn trong sách giáo khoa. Các hình thức tổ chức tuy đa dạng nhưng còn thiên về những hình thức quen thuộc, trong khi các hoạt động mang tính trải nghiệm, sáng tạo chưa được khai thác hiệu quả. Bên cạnh đó, GV còn gặp nhiều khó khăn như hạn chế

về thời gian, thiếu học liệu, cũng như lúng túng trong việc thiết kế hoạt động phù hợp.

Đối với HS, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn HS có thái độ tích cực, hứng thú với các HĐVD và nhận thấy hoạt động này giúp hiểu bài tốt hơn. Tuy nhiên, một số HS vẫn gặp khó khăn trong việc hiểu yêu cầu và cách thực hiện nhiệm vụ, đồng thời còn tâm lý ngại tham gia, ảnh hưởng đến hiệu quả học tập.

Từ những phân tích trên có thể thấy, HĐVD giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển năng lực cho HS, song việc tổ chức trong thực tiễn vẫn còn những hạn chế nhất định. Điều này đặt ra yêu cầu cần có sự nghiên cứu, đề xuất các nguyên tắc và quy trình thiết kế HĐVD phù hợp, nhằm hỗ trợ GV tổ chức dạy học hiệu quả hơn. Đây cũng chính là cơ sở để đề tài tiếp tục triển khai nội dung nghiên cứu trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 2

2.1. Nguyên tắc thiết kế hoạt động vận dụng

HĐVD là khâu quan trọng nhằm giúp HS sử dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề gắn với đời sống thực tiễn. Trong dạy học môn TN&XH lớp 2, HĐVD không chỉ góp phần củng cố kiến thức mà còn giúp hình thành cho HS thói quen quan sát, suy nghĩ và ứng xử phù hợp với môi trường TN&XH xung quanh. Để HĐVD phát huy đúng vai trò và đạt hiệu quả, việc thiết kế cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản sau:

a, Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học và yêu cầu cần đạt của chương trình

HĐVD phải được thiết kế trên cơ sở mục tiêu bài học và yêu cầu cần đạt của chương trình môn TN&XH lớp 2. Nội dung vận dụng cần hướng tới việc giúp HS củng cố, mở rộng và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong các hoạt động học tập trước đó. Nếu không bám sát mục tiêu bài học, HĐVD dễ trở thành hoạt động mang tính hình thức, thiếu trọng tâm và không góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Ví dụ, trong bài học “Giữ vệ sinh cơ thể”, mục tiêu là giúp HS biết được các việc làm cần thiết để giữ gìn vệ sinh cá nhân hằng ngày. HĐVD có thể được thiết kế dưới dạng nhiệm vụ: “Trong một ngày, em hãy thực hiện ít nhất ba việc làm để giữ vệ sinh cơ thể và ghi lại bằng hình vẽ hoặc lời kể ngắn”. Hoạt động này trực tiếp gắn với mục tiêu bài học, giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào sinh hoạt hằng ngày của bản thân.

b, Nguyên tắc phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức của HS lớp 2

HS lớp 2 có tư duy trực quan – hình tượng là chủ yếu, khả năng tư duy trừu tượng còn hạn chế, trí nhớ trực quan chiếm ưu thế. Do đó, HĐVD cần được thiết kế đơn giản, cụ thể, dễ hiểu, tránh yêu cầu quá phức tạp hoặc mang tính khái quát cao. Nội dung vận dụng nên gắn với những tình huống quen thuộc, gần gũi với cuộc sống hằng ngày của HS để các em dễ hình dung và thực hiện.

Ví dụ, khi học bài “Cây sống ở đâu?”, thay vì yêu cầu HS trình bày khái niệm trừu tượng về môi trường sống của thực vật, GV có thể giao nhiệm vụ vận dụng: “Quan sát xung quanh nhà hoặc trường học, em hãy kể tên 2–3 loại cây và cho biết chúng sống ở đâu (trên cạn, dưới nước, trong chậu, ngoài vườn...)”. Hoạt động này phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS lớp 2, đồng thời giúp các em vận dụng kiến thức vào việc quan sát thực tế.

c, Nguyên tắc gắn với thực tiễn cuộc sống của HS

HDVD cần hướng tới việc giúp HS liên hệ kiến thức đã học với các sự vật, hiện tượng và tình huống trong đời sống hằng ngày. Việc gắn kiến thức với thực tiễn giúp HS nhận thấy ý nghĩa của bài học, từ đó hình thành thói quen vận dụng kiến thức vào cuộc sống, góp phần phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

Ví dụ, trong bài học “An toàn khi ở trường học”, GV có thể thiết kế HDVD: “Em hãy quan sát sân trường và lớp học của mình, nêu một số tình huống có thể gây nguy hiểm và đề xuất cách phòng tránh”. Thông qua hoạt động này, HS không chỉ nhắc lại kiến thức đã học mà còn biết cách vận dụng để bảo vệ bản thân và bạn bè trong môi trường học tập hằng ngày.

d, Nguyên tắc đa dạng hóa hình thức tổ chức HDVD

HDVD có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, giao nhiệm vụ về nhà, hoạt động trải nghiệm gắn với gia đình hoặc cộng đồng. Việc đa dạng hóa hình thức tổ chức giúp tạo hứng thú học tập, phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng hợp tác của HS.

Ví dụ, trong bài “Chăm sóc vật nuôi”, GV có thể tổ chức HDVD theo nhóm: mỗi nhóm thảo luận và trình bày cách chăm sóc một con vật nuôi quen thuộc (chó, mèo, gà...). Ngoài ra, GV cũng có thể giao nhiệm vụ vận dụng về nhà: “Em hãy cùng người thân chăm sóc một con vật nuôi trong gia đình và chia sẻ lại việc làm của mình vào buổi học sau”.

e, Nguyên tắc đảm bảo thời lượng hợp lý và tính khả thi

HDVD cần được thiết kế với thời lượng phù hợp, không gây áp lực cho HS và không làm ảnh hưởng đến tiến trình dạy học của bài học hoặc chủ đề.

Nội dung hoạt động phải rõ ràng, cụ thể, đảm bảo HS có thể thực hiện được trong điều kiện thực tế của lớp học, gia đình và địa phương.

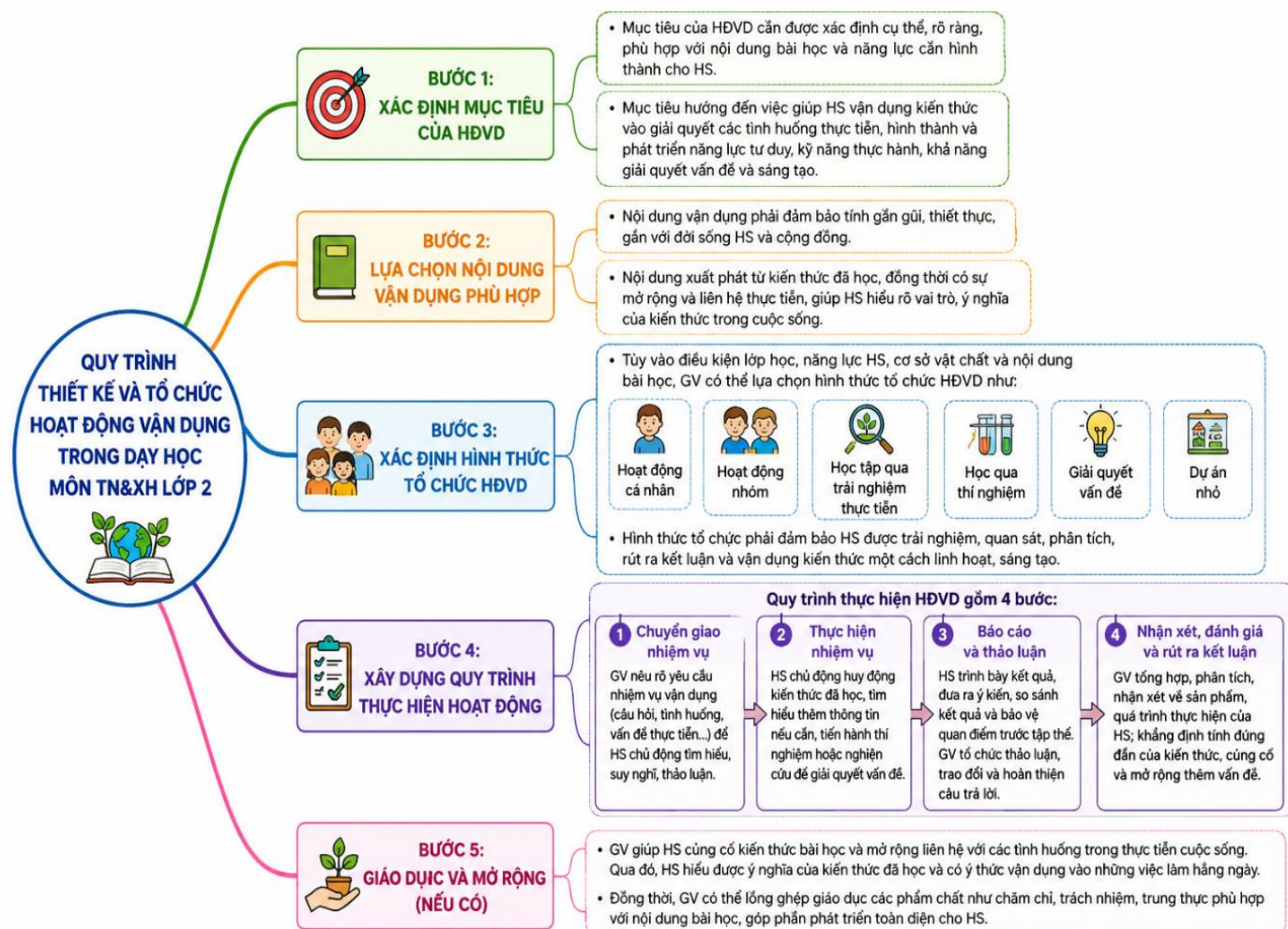
Ví dụ, với những bài học chỉ có một tiết, HĐVD có thể được thực hiện ngay trong lớp học thông qua các nhiệm vụ ngắn gọn như nêu ý kiến, vẽ tranh, đóng vai. Với các bài học theo chủ đề, GV có thể giao nhiệm vụ vận dụng kéo dài sau giờ học nhưng cần quy định rõ yêu cầu và thời gian hoàn thành sản phẩm.

f, Nguyên tắc khuyến khích sự tham gia tích cực và sáng tạo của HS

HĐVD cần tạo điều kiện để HS được chia sẻ suy nghĩ, trải nghiệm cá nhân và vận dụng kiến thức theo cách riêng của mình. GV cần khuyến khích, động viên và ghi nhận sự cố gắng của HS, tránh phê bình trực diện, từ đó giúp các em tự tin, mạnh dạn và hứng thú hơn trong học tập.

Ví dụ, khi học bài “Gia đình em”, GV yêu cầu HS vẽ tranh hoặc kể về một việc làm thể hiện sự quan tâm, yêu thương đối với các thành viên trong gia đình. Mỗi sản phẩm của HS đều được ghi nhận và chia sẻ trước lớp, giúp các em cảm thấy được tôn trọng và khuyến khích sự sáng tạo.

2.2. Quy trình thiết kế Hoạt động vận dụng



2.3. Thiết kế hoạt động vận dụng trong dạy học chủ đề “Trường học” và “Thực vật và Động vật” môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2

Vận dụng nguyên tắc và quy trình thiết kế HĐVD trong dạy học, tôi đã thiết kế HĐVD cho 10 bài học của chủ đề “Trường học” và “Thực vật và Động vật” môn TN&XH lớp 2 như sau:

STT	Tên bài	Tên hoạt động vận dụng	Số lượng
1	Bài 6: Chào đón ngày khai giảng	- Ngày khai giảng của em - Cây cam kết của em	2
2	Bài 7: Ngày hội đọc sách của chúng em	- Góc đọc sách mơ ước	2

		- Kế hoạch đọc sách của em	
3	Bài 8: An toàn khi ở trường	- Em là bạn nhỏ an toàn - Thám tử nhí	2
4	Bài 9: giữ vệ sinh trường học	- Nhà sáng chế nhí - Phóng viên tài ba	2
5	Bài 16: Thực vật sống ở đâu?	- Hành động đúng - Hộ chiếu của loài cây	2
6	Bài 17: Động vật sống ở đâu?	- Hung thủ bí ẩn	1
7	Bài 18: Cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của động vật và thực vật?	- Hành tinh xanh	1
8	Bài 19: Thực vật và động vật quanh em	- Thám hiểm tự nhiên	1

2.3.1. Hoạt động vận dụng: Bài 6. Chào đón ngày khai giảng

1. Kế hoạch 1.

Hoạt động Vận dụng: Ngày khai giảng của em (thời gian: 10 phút) * Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để chia sẻ những mong muốn, cảm xúc của bản thân về ngày khai giảng; đồng thời thực hiện được một số việc làm phù hợp nhằm tham gia lễ khai giảng trang nghiêm, vui vẻ và an toàn. * Hình thức tổ chức: Đóng vai, làm việc nhóm Cách tiến hành:	
- GV chia lớp thành các nhóm (4–5 HS/nhóm). - GV nêu nhiệm vụ: “<i>Mỗi nhóm hãy chọn một hoạt động trong ngày khai giảng và đóng vai lại hoạt động đó.</i>”	- HS ổn định nhóm - HS lắng nghe

- GV hỏi: “<i>Sau ngày khai giảng, em mong muốn điều gì trong năm học mới?</i>” - GV nhận xét và kết luận: “<i>Ngày khai giảng mở đầu cho một năm học mới. Mỗi bạn hãy cố gắng thực hiện mong muốn của mình để có một năm học thật thành công.</i>” - GV dặn dò HS về nhà chia sẻ với người thân về mong muốn của em trong năm học mới.	- HS lắng nghe - HS thực hiện
--	---

2. Kế hoạch 2.

Hoạt động Vận dụng: Cây cam kết của em (10 phút) * Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để bày tỏ tình cảm và cam kết của bản thân trong ngày khai giảng, thực hiện được một số việc phù hợp để tham gia lễ khai giảng trang nghiêm, vui vẻ, an toàn. Hình thức tổ chức: Quan sát, thực hành Cách tiến hành:	
- GV phát cho mỗi HS một tấm thiệp và một tờ giấy ghi chú đã được chuẩn bị sẵn. - GV hướng dẫn: + Tấm thiệp: viết lên đó những lời chúc tốt đẹp dành cho người mà em muốn gửi tới vào ngày khai giảng, sau khi viết xong, các em sử dụng bút màu và những đồ dùng sẵn có để trang trí cho tấm thiệp. + Tờ ghi chú: viết lên đó những lời hứa, cam kết của bản thân cho một	- HS nhận tấm thiệp và tờ ghi chú - HS lắng nghe + Tấm thiệp:  + Tờ ghi chú với các hình dáng khác nhau:

năm học mới, để khi nhìn vào đó nó sẽ tiếp cho chúng ta động lực học tập. - GV yêu cầu HS thực hiện - GV quan sát, hỗ trợ HS - GV nhận xét tinh thần tích cực - GV yêu cầu HS cắt giữ tấm thiệp, khi tới ngày khai giảng sẽ trao cho người nhận - GV treo cây cam kết đã được chuẩn bị lên bảng - GV chia sẻ về ý nghĩa của cây cam kết - GV yêu cầu HS thực hiện dán những lá cam kết lên cây, GV hỗ trợ HS - GV nhận xét: <i>“Cây cam kết này sẽ được treo trong lớp để nhắc nhở chúng ta mỗi ngày. Mỗi chiếc lá là một lời hứa, giúp các em cố gắng học tập và rèn luyện tốt hơn trong suốt năm học.”</i> - GV tổng kết, dặn dò.	- HS thực hiện viết tấm thiệp, tờ ghi chú và trang trí - HS thực hiện - HS quan sát - HS lắng nghe - HS thực hiện dán lá cam kết vào cây - HS lắng nghe - HS lắng nghe
--	---

2.3.2. Hoạt động vận dụng: Bài 7: Ngày hội đọc sách của chúng em

1. Kế hoạch 1.

Hoạt động Vận dụng: Góc đọc sách mơ ước (10 phút) *Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thiết kế góc đọc sách mơ ước của lớp mình *Hình thức tổ chức: Thực hành, quan sát, làm việc nhóm Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ + “<i>Mỗi nhóm hãy cùng nhau thiết kế một góc đọc sách cho lớp mình, các em có thể vẽ hoặc ghi ý tưởng ra giấy A3 trước rồi mới thực hiện.</i>” - GV phát giấy A3 cho mỗi nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận, ghi ý tưởng - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm - GV mời từng nhóm trình bày ý tưởng - GV mời HS nhận xét - GV nhận xét, bổ sung và chọn ra ý tưởng phù hợp nhất để HS thực hiện - GV yêu cầu HS lấy dụng cụ và kiểm tra dụng cụ đã được chuẩn bị để thực hiện làm góc đọc sách. - GV phân công công việc cho HS - GV yêu cầu HS thực hiện - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện	- HS lắng nghe - HS thảo luận, ghi ý tưởng lên tờ giấy + “<i>Thiết kế góc đọc sách hình con thỏ, thiết kế góc đọc sách từ những miếng bìa...</i>” - HS trình bày ý tưởng - HS nhận xét ý tưởng của nhau - HS lắng nghe - HS lấy và kiểm tra dụng cụ - HS lắng nghe, thực hiện - HS thực hiện làm góc đọc sách:

- GV nhận xét kết quả HS thực hiện được - GV tuyên dương, khen thưởng. - GV kết luận: <i>“Qua hoạt động thiết kế góc đọc sách, cô thấy các nhóm đã biết sắp xếp sách gọn gàng, trang trí đẹp mắt và lựa chọn được nhiều cuốn sách phù hợp với lứa tuổi. Mỗi góc đọc sách đều thể hiện sự sáng tạo, tinh thần hợp tác và tình yêu đối với sách của các em. Sách không chỉ giúp chúng ta học thêm nhiều điều mới mà còn rèn luyện thói quen đọc sách mỗi ngày. Cô mong rằng sau hoạt động hôm nay, các em sẽ biết giữ gìn sách, yêu quý sách và dành thời gian đọc sách thường xuyên để mở rộng hiểu biết của mình.”</i> - GV dặn dò cho tiết học sau.	- HS lắng nghe - HS quan sát, lắng nghe - HS lắng nghe
---	---

2. Kế hoạch 2.

Hoạt động Vận dụng: Kế hoạch đọc sách của em (10 phút)

*Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để chia sẻ, thiết kế kế hoạch đọc sách của bản thân.

Hình thức tổ chức: Thực hành, quan sát, cá nhân

Cách tiến hành

- GV mời 4 - 5 HS lên chia sẻ về cuốn sách mình yêu thích

- GV dẫn: *“Các em vừa chia sẻ rất nhiều cuốn sách hay và thú vị. Để có thể đọc được nhiều cuốn sách như vậy, chúng ta cần sắp xếp thời gian đọc sách thật hợp lý.”*

- GV phát cho mỗi HS một bảng kế hoạch đã in sẵn và kẻ ô

- GV yêu cầu HS ghi vào phiếu.

- GV yêu cầu HS trang trí phiếu đọc sách của mình, nhắc nhở HS về nhà hãy thực hiện theo bảng kế hoạch mình đã đặt ra.

- GV nhận xét, tuyên dương: *“Qua hoạt động thiết kế phiếu đọc sách, cô thấy các em đã biết ghi lại những thông tin quan trọng về cuốn sách mình yêu thích như tên sách, nhân vật, nội dung và điều em học được sau khi đọc. Nhiều phiếu đọc sách được trình bày rất cẩn thận, sáng tạo và thể hiện cảm nhận riêng của từng bạn.”*

- GV dẫn: *“Các em đã biết sắp xếp thời gian đọc sách rất hợp lý,*

- HS thực hiện mang cuốn sách cho mọi người quan sát, chia sẻ về nội dung cuốn sách

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe, suy nghĩ những cuốn sách mình muốn đọc, thực hiện mục tiêu mỗi tháng đọc 1 cuốn sách

- HS quan sát, thực hiện kế hoạch đọc sách.

Ví dụ: Kế hoạch đọc sách của 1 HS trong lớp

Kế hoạch đọc sách

I. Kế hoạch đọc sách

— Sách vốn là bạn vào là thấy. Sách mở ra cho ta những thế giới mới, tầm nhìn mới, chấp cánh ước mơ bay cao, bay xa. Thắp cho ta ngọn lửa cháy bùng, vươn lên thành công trong cuộc sống. Và để thuận lợi cho việc tiếp thu và cảm thụ văn học, tôi đã lập ra một bảng kế hoạch đọc sách.

Tháng	Tên sách	Nội dung
Tháng 1	Huyền giả kim (Paulo Coelho)	Kể về câu chuyện của Santiago và hành trình tìm kiếm ước mơ của cậu. Cuộc hành trình giúp cậu nhận ra được mục đích và ý nghĩa của đời sống.
Tháng 2	Night trường mới (Nguyễn Nhật Ánh)	Truyện ngắn, kể về một cậu bé và một cô gái trong trường học.
Tháng 3	Học ki năng để thành công (Lưu Yung)	Nội dung của sách học hỏi nhiều phương pháp, học tập, viết lách, kết bạn, giúp hiểu được những vấn đề của thế giới xung quanh.
Tháng 4	Tiểu gia mới (Luna Fung)	Về nhà tiểu gia mới được thành lập, cũng nhiều, nhưng bị bắt để làm cho cậu bé ở Alaska. Thiên nhiên đã dành cho bạn hàng ngàn câu chuyện và những điều kỳ diệu.
Tháng 5	Bức thư từ (Emily Grosse)	Kể về câu chuyện tình yêu không thể quên giữa hai người bạn thân thiết.
Tháng 6	Chuyến người say (Alfred)	Kể về câu chuyện tình yêu không thể quên giữa hai người bạn thân thiết.
Tháng 7	Shogun (James Clavell)	Kể về câu chuyện tình yêu không thể quên giữa hai người bạn thân thiết.
Tháng 8	Con của gió (Luna Fung)	Kể về câu chuyện tình yêu không thể quên giữa hai người bạn thân thiết.

<i>chúng ta hãy kiên trì thực hiện theo kế hoạch mình đã đặt ra nhé. Vậy khi đọc sách, chúng ta cần làm gì để giữ gìn sách và góc đọc luôn gọn gàng?”</i> - GV mời 1 - 2 HS trả lời - GV mời HS khác nhận xét, GV nhận xét. - GV đưa ra một số những việc nên làm để giữ gìn sách và nơi đọc sách gọn gàng + Không làm rách sách + Không vẽ bậy + Cất sách đúng chỗ + Dọn dẹp góc đọc sách sau khi đọc xong - GV kết luận: <i>“Giữ gìn sách và nơi đọc sách không chỉ giúp sách luôn bền đẹp mà còn giúp các em có thói quen học tập gọn gàng, ngăn nắp.”</i>	- HS lắng nghe, trả lời + <i>“Để giữ gìn cuốn sách khi đọc xong chúng ta phải cất gọn gàng, không vẽ bậy vào sách...”</i> - HS nhận xét, lắng nghe - HS lắng nghe - HS lắng nghe
--	---

2.3.3. Hoạt động vận dụng: Bài 8: An toàn khi ở trường

1. Kế hoạch 1.

Hoạt động Vận dụng: Em là bạn nhỏ an toàn (10 phút) * Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học đóng vai để giải quyết tình huống không an toàn * Hình thức tổ chức: Quan sát, thực hành, đóng vai, làm việc nhóm
--

huống tiếp theo cho tới khi quan sát hết 4 tình huống đưa ra - GV yêu cầu HS thực hiện, trong quá trình HS thực hiện, GV quan sát và hỗ trợ - Khi các nhóm quan sát và ghi chép cách xử lý tình huống của 4 tình huống đã xong, GV mời HS về vị trí ngồi - GV mời các nhóm báo cáo kết quả	- HS thực hiện - HS về vị trí ngồi - HS báo cáo kết quả + TH1: hành vi chen lấn, xô đẩy nhau là hành vi chưa an toàn, hành vi này có thể khiến các bạn bị ngã, gây ra tổn thương cho cơ thể => HS dừng lại, đi chậm, không chen lấn, xô đẩy + TH2: hành vi chạy nhanh không quan sát là hành vi chưa an toàn, hành vi này có thể khiến bạn chạy nhanh va phải bạn đang nhặt bút, gây ra tổn thương cho cơ thể => HS thực hành đi nhẹ nhàng trong lớp + TH3: hành vi tự ý vào khu bể bơi khi chưa được sự cho phép là hành vi không an toàn => Nhắc nhở bạn, không tự ý đi vào khu bể bơi khi không được sự cho phép + TH 4: Hành vi tò mò chọc bút bi vào ổ điện là hành vi gây nguy hiểm
---	--

- GV mời HS nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương những nhóm tích cực, thực hiện tốt - GV kết luận: <i>“Qua hoạt động đóng vai xử lý tình huống, cô thấy các em đã biết vận dụng những kiến thức vừa học để giải quyết các tình huống mất an toàn ở trường. Các nhóm phối hợp rất tốt, thể hiện tự tin và đưa ra được nhiều cách xử lý phù hợp như biết nhờ thầy cô giúp đỡ, tránh xa nơi nguy hiểm, không xô đẩy bạn bè hay cẩn thận khi vui chơi. Thông qua hoạt động này, cô mong các em sẽ luôn ghi nhớ và thực hiện đúng các quy tắc an toàn khi ở trường để bảo vệ bản thân và giúp đỡ bạn bè xung quanh. Một ngôi trường an toàn sẽ được xây dựng từ chính ý thức và hành động của mỗi chúng ta.”</i>	=> Khuyến bạn, không được vì tò mò mà lại gần ổ điện, phân tích những nguy hiểm có thể xảy ra khi có hành vi như vậy - HS nhận xét - HS lắng nghe - HS lắng nghe
--	--

2. Kế hoạch 2.

Hoạt động Vận dụng: Thám tử nhí

* Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để nhận diện các khu vực tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn tại trường, sáng tạo ra các sản phẩm trực quan * PP/KTDH: Quan sát, thực hành, làm việc nhóm Cách tiến hành	
- GV dẫn HS đi tham quan một vòng các khu vực trong trường và trong lớp (nhà xe, khu vui chơi, góc hành lang, khu vực uống nước, khu vực uống nước trong lớp...) - GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm trước khi đi quan sát + Mỗi nhóm phải “chụp” lại bằng mắt ít nhất một hành vi hoặc một vị trí có thể gây nguy hiểm - GV quan sát, hỗ trợ HS - Sau khi quay lại lớp, GV yêu cầu các nhóm thảo luận nhóm về vị trí mình vừa quan sát và bắt đầu thiết kế biển báo tương ứng cho vị trí đó - GV mời HS chia sẻ về ý tưởng và lý do chọn biển báo đó - GV nhận xét, hỗ trợ HS lựa chọn biển báo phù hợp + Yêu cầu biển báo: có hình vẽ minh họa đơn giản, thông điệp ngắn gọn (dừng lại và quan sát, đi chậm thôi, cẩn thận trơn trượt, cẩn thận kẹp tay...), màu sắc nổi bật (màu vàng, đỏ, cam) để gây chú ý	- HS thực hiện - HS lắng nghe, quan sát - HS thực hiện quan sát + Ví dụ: Chỗ góc tường sắc cạnh, chỗ cầu thang hay bị ướt... - HS thảo luận, lựa chọn thiết kế - HS lắng nghe, chia sẻ - HS lắng nghe

<i>cùng thực hiện các quy định an toàn. Cô mong rằng sau hoạt động hôm nay, các em sẽ luôn có ý thức quan sát, cẩn thận và biết chủ động phòng tránh những nguy hiểm có thể xảy ra ở trường.”</i>	
--	--

2.3.4. Hoạt động vận dụng: Bài 9: Giữ vệ sinh trường học

1. Kế hoạch 1.

Hoạt động Vận dụng: Nhà sáng chế nhí (10 phút) * Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để thiết kế các đồ dùng giữ vệ sinh cho lớp học * Tổ chức thực hiện: Thực hành, quan sát, làm việc nhóm Cách tiến hành	
- GV yêu cầu HS chuẩn bị đồ dùng + “<i>Các em đã biết vì sao chúng ta phải giữ vệ sinh trường học, bây giờ mỗi nhóm lựa chọn thiết kế một sản phẩm để lớp mình sạch đẹp hơn và sản phẩm đó sẽ được sử dụng trong lớp mình</i>” - GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ	- HS chuẩn bị đồ dùng - HS lắng nghe - HS lắng nghe, nhận nhiệm vụ + Nhóm 1: Thiết kế và trang trí thùng rác phân loại + Nhóm 2: Thiết kế bảng nhắc nhở giữ vệ sinh + Nhóm 3: Thiết kế chậu cây mini đặt cửa sổ + Nhóm 4: Thiết kế bảng theo dõi lớp sạch mỗi ngày (bảng trực nhật)

- GV yêu cầu HS thực hiện trong thời gian quy định
- GV quan sát, hỗ trợ HS trong quá trình thực hiện

- HS thảo luận, phân chia công việc và thực hiện

- HS thực hiện làm sản phẩm

+ Nhóm 1:



+ Nhóm 2:



+ Nhóm 3:



+ Nhóm 4:



- HS báo cáo kết quả

- GV mời đại diện nhóm lên báo cáo kết quả thực hiện + Tên sản phẩm? + Sản phẩm mang ý nghĩa gì? + Phân công nhiệm vụ thế nào? + Quy trình thực hiện ra sao? + Kết quả thiết kế? - GV mời các HS nhận xét - GV nhận xét, bổ sung, sửa chữa nếu sản phẩm chưa hoàn thiện - GV yêu cầu HS đặt sản phẩm vào vị trí sử dụng - GV quan sát hỗ trợ HS - GV kết luận: <i>“Những thùng rác, khẩu hiệu hay cây xanh mini không chỉ giúp lớp học thêm gọn gàng, thân thiện mà còn nhắc nhở mỗi bạn biết giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi quy định và có ý thức chăm sóc môi trường học tập hằng ngày. Cô mong rằng sau hoạt động hôm nay, các em sẽ luôn duy trì những việc làm tốt này để lớp học của chúng ta luôn xanh – sạch – đẹp.”</i>	- VD: Nhóm 1 + <i>Sản phẩm mang tên thùng rác xanh</i> + <i>Ý nghĩa phân loại rác và bảo vệ môi trường</i> + <i>Bạn A và B cắt bìa, bạn C trang trí...</i> + <i>(HS nêu quy trình)</i> + <i>(HS trình bày sản phẩm)</i> - HS nhận xét sản phẩm của nhóm bạn - HS lắng nghe - HS đặt thùng rác ở cuối lớp, gắn bảng theo dõi và khẩu hiệu lên tường, đặt cây xanh mini ở cửa sổ. - HS lắng nghe
--	---

2. Kế hoạch 2.

Hoạt động Vận dụng: Phóng viên tài ba (10 phút)

* Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá thực trạng vệ sinh ở các khu vực khác nhau trong trường, thực hành đưa ra những lời khuyên giữ vệ sinh trường, lớp học

* Tổ chức thực hiện: Thực hành, quan sát, làm việc nhóm

Cách tiến hành

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi HS một sơ đồ của trường đã được chuẩn bị sẵn

- GV yêu cầu mỗi nhóm sử dụng đồ dùng đã được chuẩn bị sẵn (micro tự chế bằng bìa, bộ sticker, bút màu xanh và đỏ)

- GV phân vai trong mỗi nhóm

- GV yêu cầu giờ ra chơi các nhóm đi khắp trường để phỏng vấn

- HS lắng nghe, thực hiện, nhận sơ đồ



- HS sử dụng dụng cụ đã chuẩn bị sẵn từ nhà

- HS thực hiện nhận vai

+ 1 bạn là phóng viên (cầm micro)
+ 1 bạn quay phim (cầm khung giấy)
+ Các bạn còn lại làm biên tập (cầm sơ đồ và bút)

- HS thực hiện phỏng vấn các “nhân chứng” (bác bảo vệ, cô lao công, các bạn HS trong sân trường, các thầy cô giáo)

+ *Chào bác ạ, bác thấy khu vực sân chơi hôm nay thế nào ạ*

+ *Chào bạn, bạn có biết tại sao góc này lại có nhiều rác không?*

- GV mời từng nhóm lên “phát sóng” bản tin của mình - GV tổ chức nhận xét, tuyên dương HS	- Trong lúc đó, các bạn Biên tập viên sẽ quan sát, ghi chú và đánh dấu trực tiếp vào sơ đồ (chỗ nào sạch đánh dấu bằng bút xanh, chỗ nào bẩn đánh dấu bằng bút đỏ hoặc sử dụng sticker mặt cười xanh và mặt buồn đỏ để dán) - Khi giờ ra chơi kết thúc, các bạn quay về lớp, cùng nhau tô màu và hoàn thiện sơ đồ trạng thái vệ sinh của trường, dựa trên những gì phóng viên phỏng vấn được, các em ghi chú giải pháp bên cạnh những “điểm đỏ” + Ví dụ: “Bác lao công nói do gió thổi vào góc này” -> giải pháp: Cùng nhau quét dọn mỗi sáng - Dự kiến câu trả lời + Bác bảo vệ: <i>“Khu vực sân chơi hôm nay có nhiều lá rơi xuống vì có gió”</i> + HS trong trường: <i>“Góc này nhiều rác vì các bạn HS ăn sáng xong vứt rác ở đó”</i> - HS trình bày + <i>“Kính thưa quý vị, theo ghi nhận của nhóm phóng viên Xanh tại hiện trường cầu thang, chúng tôi phát hiện nhiều vết chân bẩn, chúng tôi đề nghị các bạn lau chân trước khi vào lớp.”</i> (HS vừa nói vừa chỉ vào sơ đồ) - HS nhận xét, lắng nghe
---	--

- GV kết luận: “<i>Sơ đồ chúng ta vẽ hôm nay không phải để đó, cô hy vọng từ ngày mai, chính các em sẽ là người dùng hành động của mình để xóa dần các điểm đỏ và lan tỏa thêm nhiều điểm xanh khắp trường. Mỗi việc nhỏ các em làm như nhặt một chiếc lá, cắt một vỏ hộp sữa đều giúp trường chúng ta đẹp hơn mỗi ngày.</i>”	- HS lắng nghe
--	-----------------------

2.3.5. Hoạt động vận dụng: Bài 16: Thực vật sống ở đâu

1. Kế hoạch 1.

Hoạt động Vận dụng: Hành động đúng (10 phút) * Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhận biết các hành vi đúng, sai trong việc bảo vệ môi trường và thực vật, đề xuất và thực hiện những việc làm phù hợp để giữ gìn môi trường xung quanh * Tổ chức thực hiện: Quan sát, đóng vai, làm việc nhóm Cách tiến hành	
- GV chuẩn bị 4 video tình huống được tạo bằng AI - GV chiếu từng video cho HS quan sát - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để quan sát và xử lý tình huống + TH1: Một bạn nhỏ cây sen trong ao, hồ rồi mang trồng vào chậu đất trong lớp học vì hoa sen nở rất đẹp + TH2: Cây xanh trong lớp bị khô nhưng không có bạn nào tưới nước	- HS quan sát, lắng nghe - HS quan sát video HS quan sát thảo luận nhóm

- GV yêu cầu HS vận dụng thực hiện tưới lượng nước phù hợp cho xanh trong lớp và bồn hoa của lớp - GV quan sát, hỗ trợ HS - GV kết luận: <i>“Hoạt động hôm nay giúp chúng ta hiểu rằng thực vật sống ở nhiều nơi khác nhau và cây xanh có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống. Vì vậy, mỗi bạn cần có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây cối và giữ gìn môi trường luôn xanh, sạch, đẹp. Cô mong rằng các em sẽ tiếp tục thực hiện những việc làm tốt này ở trường, ở nhà và nơi mình sinh sống.”</i>	- HS lắng nghe
---	--

2. Kế hoạch 2.

Hoạt động Vận dụng: Hộ chiếu của loài cây (10 phút) * Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nêu được nơi sống của các loài cây * Hình thức tổ chức: Quan sát, trò chơi học tập, cá nhân Cách tiến hành	
- GV đưa ra một hộp bí ẩn, trong hộp có các thẻ hình minh họa loài cây. - GV đưa hộp cho từng HS bốc thẻ để nhận loài cây của mình.	- HS quan sát - HS thực hiện bốc thẻ lựa chọn + VD: 

- Sau khi các em đã nhận được thẻ, GV phát cho mỗi HS một giờ giấy gấp đôi có chữ hộ chiếu ở mặt ngoài - GV yêu cầu HS ghi tên loài cây của mình – nơi ở và kẹp tấm thẻ hình loài cây đó vào trong cuốn “hộ chiếu” - GV chia mặt sàn lớp thành 2 bên bằng phấn hoặc băng dính màu, một bên là Mặt đất bao la (đại diện trên cạn), bên kia là Dòng sông xanh biếc (đại diện dưới nước). - GV cho lớp thành hình tròn, HS vừa đi vòng tròn vừa hát theo nhạc - GV dừng nhạc bất ngờ và hô “<i>tìm nhà, tìm nhà</i>”, HS lúc này sẽ nhảy nhanh về đúng phía môi trường của mình. - GV có thể hô tên một loài cây lạ (ví dụ: Rau muống), bạn đóng vai này có thể đứng giữa vạch (vì rau muống vừa sống được trên cạn vừa sống được dưới nước) để tạo ra tình huống thảo luận bất thú vị. - GV yêu cầu 1 HS đóng vai cảnh sát cầm micro đi phỏng vấn các bạn đứng sai vị trí.	- HS nhận hộ chiếu - HS thực hiện HS ghi tên loài cây của mình – nơi ở và kẹp tấm thẻ hình loài cây đó vào trong cuốn “hộ chiếu” + Ví dụ: Tớ là cây Phượng – nhà tớ ở Trên cạn, tớ là cây Bèo – nhà tớ ở Dưới nước - HS quan sát, lắng nghe - HS vừa đi vòng tròn vừa hát bài hát “<i>Trái Đất này là của chúng mình</i>”. - HS tìm nhà của loài cây mình - HS thực hiện - HS đi phỏng vấn các bạn, yêu cầu bạn nào được phỏng vấn sẽ giơ hộ chiếu để bạn cảnh sát kiểm tra.
--	---

- GV yêu cầu những HS lảng giềng đứng gần nhau sẽ “bắt tay”, mở hộ chiếu và giới thiệu về mình - GV tổ chức nhận xét, tuyên dương - GV kết luận: <i>“Các em thấy không, thế giới thực vật quanh ta thật phong phú, nhưng tựu chung lại, các bạn ấy thường sống ở hai môi trường chính là trên cạn và dưới nước. Mỗi loài cây đều có những đặc điểm riêng để phù hợp với ngôi nhà của mình. Chúng mình hãy cùng nhau chăm sóc cây ở vườn trường (trên cạn) và không vứt rác xuống hồ nước (dưới nước) để các bạn cây luôn xanh tươi nhé”</i>	+ <i>“Ơ kìa bạn Cây Sen sao bạn lại đứng trên mặt đất khô thế này? Bạn có thấy khó thở không?”</i> -> lúc này HS đóng vai Cây Sen sẽ phải nhanh chóng chạy về phía Dòng sông xanh biếc - HS thực hiện “bắt tay”, mở hộ chiếu và giới thiệu về mình - HS lắng nghe - HS lắng nghe, quan sát, thực hiện
---	---

2.3.6. Hoạt động vận dụng: Bài 17: Động vật sống ở đâu

1. Kế hoạch 1.

Hoạt động Vận dụng: Hung thủ bí ẩn (10 phút) * Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để phân biệt được động vật sống trên cạn và dưới nước * Hình thức tổ chức: Trực quan, trò chơi học tập Cách tiến hành	
- GV chia lớp thành 4 nhóm	- HS chia nhóm

- GV đưa ra 4 mật thư, mỗi mật thư gồm 4 câu hỏi (mạnh mỗi) và mảnh các mảnh ghép hình xáo trộn của con vật - GV dẫn: + “<i>Các em ơi! Sáng nay cô nhận được tin báo chuông của cô gà mái bị mất trứng, có một con vật bí ẩn đã lấy trứng, cô cần các em trở thành thám tử nhí để truy tìm hung thủ, các em có sẵn sàng không?</i>” - GV phát cho mỗi nhóm một mật thư và giới thiệu cách chơi + “<i>Các em sẽ giải mã những mật thư này để tìm ra hung thủ bằng cách trả lời các câu hỏi trong mật thư, mỗi khi khoanh vào đáp án đúng, các em sẽ lựa chọn mảnh ghép ghi chữ cái của đáp án đúng để ghép thành hình.</i>”	- HS quan sát - HS lắng nghe - HS nhận mật thư và thực hiện + Câu 1: Ta sống trong nước Không thể lên bờ lâu Nếu rời nước sẽ chết Ta là ai? A. Con gà B. Con vịt C. Con cá D. Con rắn Câu 2: Ta có thể sống ở trên bờ Cũng có thể bơi dưới nước Ban đêm kêu “ộp ộp” Ta là ai? A. Con ngỗng B. Con thằn lằn C. Con ếch D. Con hươu
---	--

- GV yêu cầu HS mang các mảnh ghép đã ghép lại dán lên bảng, GV ghép 4 phần lại với nhau, tạo thành bức tranh hình con rắn - GV khen ngợi, tuyên dương HS - GV phát phiếu quan sát cho HS, yêu cầu HS về nhà quan sát 1 con	Câu 3: Chuồng gà ở mặt đất, xung quanh không có ao hồ vậy hung thủ sống ở đâu? A. Trên cạn B. Dưới nước Câu 4: Một bạn bắt cá bỏ lên bờ chơi, theo em điều gì sẽ xảy ra? A. Cá sẽ sống B. Cá sẽ không thở được và sẽ chết Câu 5: Một bạn bỏ ếch vào chậu nước và không cho lên bờ. Việc làm đó đúng hay sai? A. Đúng vì ếch sống được ở cả dưới nước và trên cạn nên dưới nước vẫn hô hấp được B. Không đúng vì ếch không thể hô hấp bằng phổi vì vậy cần sống ở cả trên cạn và dưới nước 6. Nếu nhà em nuôi gà, em cần làm gì để bảo vệ trứng khỏi con vật khác ăn? A. Làm chuồng kín, dọn dẹp sạch sẽ B. Nuôi thả gà tự nhiên C. Để chuồng gà cạnh bụi rậm, không quây chuồng kín - HS quan sát, thực hiện - HS lắng nghe - HS thực hiện, lắng nghe
--	---

vật, ghi lại vào phiếu (nơi ở, hình ảnh của con vật, em hoặc người thân chăm sóc nó như thế nào)

- GV kết luận: “Hoạt động hôm nay giúp các em hiểu rằng động vật có thể sống ở những môi trường khác nhau như trên cạn, dưới nước. Việc quan sát động vật trong thực tế cũng giúp các em gần gũi hơn với thiên nhiên và biết thêm nhiều đặc điểm thú vị của các loài vật xung quanh mình. Cô mong rằng các em sẽ luôn có ý thức yêu thương, chăm sóc và bảo vệ động vật quanh em.”

- HS lắng nghe

2.3.7. Hoạt động vận dụng: Bài 18: Cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của động vật và thực vật?

Hoạt động 4: Giải cứu hành tinh xanh (10 phút)

* Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn về vấn đề bảo vệ môi trường sống của động vật và thực vật, đưa ra các giải pháp khắc phục.

*PP/KTDH: Quan sát, đóng vai, làm việc nhóm

Cách tiến hành

- GV yêu cầu HS chia lớp thành 2 nhóm, chiếu 2 hình ảnh trái đất lên slide

- GV dẫn:

- HS chia nhóm

- HS lắng nghe

+ “*Trái đất đang bị ô nhiễm, cây cối bị chặt phá, động vật mất đi nơi sống, các em sẽ trở thành những đội giải cứu môi trường, mỗi hành động và quyết định của các em sẽ giúp Trái Đất tốt lên hoặc xấu đi*”

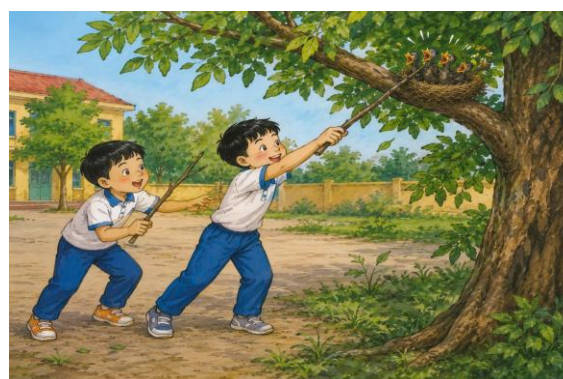
- GV phát cho mỗi nhóm 5 bức tranh hoặc tình huống khác nhau

- HS nhận bức tranh thảo luận về nội dung bức tranh, đưa ra sự đồng tình hoặc không bằng cách đóng vai để xử lý tình huống

+ Bức tranh 1: Một bạn HS ăn xôi xong vứt luôn hộp xôi tại gốc cây



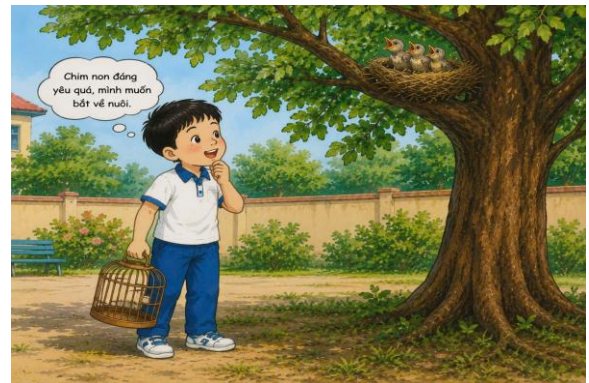
+ Bức tranh 2: Hai HS đang lấy gậy chọc tổ chim trên cành cây



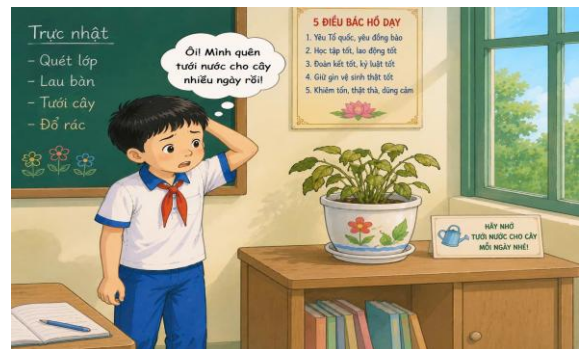
+ Bức tranh 3: Một HS đang đi dạo thấy một bạn nữ đang đổ rác xuống ao



+ Bức tranh 4: Một bạn thấy chim non đáng yêu và muốn bắt chim non về nuôi trong lồng



+ Bức tranh 5: Trong lớp có chậu cây nhưng bạn trực nhật đã quên tưới nước nhiều ngày



- HS trình bày
- HS nhận xét
- HS quan sát, lắng nghe

- GV mời các nhóm lên trả lời
- GV tổ chức nhận xét

- Mỗi khi đội nào trả lời đúng thì trái đất bên đội đó sẽ mọc ra cây xanh, nếu sai thì trái đất sẽ có thêm rác, nhóm nào đưa ra biện pháp chưa đúng GV sẽ yêu cầu HS bên dưới hỗ trợ, GV hỗ trợ HS - GV tuyên dương, khen thưởng tinh thần tích cực của các nhóm và giải pháp được các nhóm đưa ra - GV liên hệ thực tế trong sân trường có nhiều cây cối nhưng các bạn HS ăn sáng xong vẫn vứt chưa đúng chỗ, GV yêu cầu HS giờ ra chơi nhặt rác ở sân trường, đồng thời nhắc nhở các HS khác trong trường về giữ gìn và bảo vệ môi trường sống của động vật và thực vật. - GV kết luận: <i>“Những việc làm nhỏ hằng ngày như nhặt rác, giữ vệ sinh hay bảo vệ cây cối đều góp phần giúp môi trường sống trở nên sạch đẹp hơn. Cô mong rằng các em sẽ luôn có ý thức yêu thiên nhiên, bảo vệ động vật, thực vật và cùng nhau xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp.”</i>	- HS quan sát, lắng nghe - HS lắng nghe, thực hiện - HS lắng nghe
--	---

2.3.8. Hoạt động vận dụng: Bài 18: Thực vật và động vật quanh em

Hoạt động Vận dụng: Thăm hiểu tự nhiên (10 phút)

* Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học đưa ra những giải pháp phù hợp khi quan sát, chăm sóc bảo vệ thực vật, động vật xung quanh. *Hình thức tổ chức: Quan sát, đóng vai, làm việc nhóm Cách tiến hành													
- GV chia lớp thành 4 đội, đội Sóc Nâu, đội Chim Sẻ, đội Hoa Hồng, đội Lá Xanh. - GV nêu nhiệm vụ và phát phiếu cho HS. + “<i>Mỗi đội sẽ tìm kiếm ở xung quanh trường và ghi chép vào phiếu 1 loài thực vật và 1 loài động vật mà em thấy ấn tượng nhất, trong vòng 5 phút</i>”, phiếu gồm 3 cột (tên, màu sắc/đặc điểm, nơi ở) - GV quan sát, hỗ trợ HS, khi HS tìm thấy mẫu lạ GV sử dụng AI quét để xác định tên cho HS ghi vào phiếu. - Khi hết thời gian, GV yêu cầu HS về lớp - GV mở phần mềm AI bằng giọng nói (Gemini) chiếu lên slide và bật loa ngoài để cả lớp nghe thấy, yêu cầu mỗi nhóm trình bày có thể tự đặt câu hỏi với AI về vấn đề mình chưa rõ với sự vật quan sát được.	- HS lắng nghe - HS quan sát, nhận phiếu <table><tr><th>Tên</th><th>Màu sắc</th><th>Địa điểm/ nơi ở</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> - HS thực hiện - HS lắng nghe, thực hiện - HS thực hiện đưa ra câu hỏi: + VD: <i>Thưa bạn AI, con kiến này có thể tha vật nặng bao nhiêu?</i> + <i>Thưa bạn AI, quả cây bàng có ăn được không?...</i> - HS lắng nghe - HS hoàn thành phiếu	Tên	Màu sắc	Địa điểm/ nơi ở									
Tên	Màu sắc	Địa điểm/ nơi ở											

2.4. Đánh giá hiệu quả thiết kế hoạt động vận dụng.

2.4.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả của các HĐVD đã thiết kế trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

2.4.2. Nội dung đánh giá

Việc đánh giá hiệu quả các HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2 được thực hiện thông qua khảo sát ý kiến GV về các tiêu chí liên quan đến mục tiêu hoạt động, nội dung và hình thức tổ chức, khả năng vận dụng kiến thức của HS, mức độ tham gia của HS, hướng dẫn tổ chức hoạt động và khả năng áp dụng trong thực tiễn dạy học. Cụ thể, nội dung đánh giá tập trung vào các vấn đề sau:

❖ Đánh giá mục tiêu HĐVD

- Mức độ rõ ràng, cụ thể của mục tiêu hoạt động.
- Mức độ phù hợp của mục tiêu với yêu cầu cần đạt của bài học môn TN&XH lớp 2.
- Khả năng định hướng cho GV và HS trong quá trình tổ chức hoạt động.

❖ Đánh giá nội dung và tổ chức HĐVD

- Mức độ phù hợp của nội dung hoạt động với nội dung bài học.
- Mức độ phù hợp của phương pháp, hình thức tổ chức đối với HS lớp 2.
- Khả năng tạo hứng thú và thu hút HS tham gia hoạt động.
- Tính phù hợp của nhiệm vụ học tập và học liệu được sử dụng trong hoạt động.

❖ Đánh giá khả năng vận dụng của HS

- Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn.
- Khả năng liên hệ kiến thức với cuộc sống hằng ngày.

- Mức độ hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho HS thông qua HĐVD.

❖ **Đánh giá mức độ tham gia của HS**

- Mức độ tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia hoạt động.
- Khả năng hợp tác và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Mức độ hứng thú học tập của HS khi tham gia HĐVD.

❖ **Đánh giá hướng dẫn tổ chức HĐVD**

- Mức độ rõ ràng, cụ thể của hướng dẫn tổ chức hoạt động.
- Tính dễ hiểu và thuận lợi khi GV triển khai trong thực tế dạy học.
- Khả năng hỗ trợ GV trong việc tổ chức và điều hành hoạt động học tập.

❖ **Đánh giá khả năng áp dụng của HĐVD**

- Khả năng triển khai hoạt động trong điều kiện thực tế của nhà trường tiểu học.
- Tính linh hoạt và khả năng áp dụng rộng rãi của các HĐVD.
- Khả năng phù hợp với nhiều đối tượng HS và điều kiện dạy học khác nhau.

❖ **Đánh giá thông qua ý kiến nhận xét, góp ý của GV**

- Ý kiến của GV về hiệu quả của HĐVD trong việc phát triển phẩm chất, năng lực cho HS.
- Những đề xuất nhằm điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hoạt động.
- Các điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu quả tổ chức HĐVD trong thực tiễn dạy học.

2.4.3. Phương pháp đánh giá

Do đề tài không tiến hành thực nghiệm sư phạm nên việc đánh giá được thực hiện thông qua các phương pháp sau:

- Xin ý kiến đánh giá của giáo viên tiểu học về mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả của các HĐVD đã thiết kế.
- Điều tra bằng phiếu khảo sát với các tiêu chí đánh giá cụ thể.

- Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm Microsoft Excel.

2.4.4. Kết quả đánh giá

Bảng 1.13. Mục tiêu hoạt động

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Rõ ràng, cụ thể	21	63,6
2	Tương đối rõ	10	30,3
3	Chưa rõ	2	6,1
4	Không rõ ràng	0	0
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV đánh giá mục tiêu HĐVD được xác định rõ ràng và cụ thể với 21/33 ý kiến (63,6%), bên cạnh đó 30,3% cho rằng mục tiêu ở mức tương đối rõ. Chỉ có 6,1% ý kiến nhận định mục tiêu chưa rõ và không có ý kiến nào cho rằng mục tiêu không rõ ràng. Điều này chứng tỏ các HĐVD đã được thiết kế có định hướng mục tiêu khá cụ thể, phù hợp với yêu cầu cần đạt của bài học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

Bảng 1.14. Nội dung, tổ chức

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Rất phù hợp	14	42,4,
2	Phù hợp	16	48,5
3	Ít phù hợp	3	9,1
4	Không phù hợp	0	0
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV đánh giá nội dung và cách tổ chức HĐVD ở mức phù hợp và rất phù hợp. Cụ thể, 16/33 GV (48,5%) cho rằng hoạt động phù hợp và 14/33 GV (42,4%) đánh giá rất phù hợp, chiếm tổng 90,9%.

Điều này chứng tỏ các hoạt động đã được thiết kế bám sát đặc điểm nhận thức của HS lớp 2 và nội dung chương trình.

Bên cạnh đó, vẫn còn 3/33 GV (9,1%) cho rằng hoạt động ở mức ít phù hợp, tuy nhiên không có GV nào đánh giá là không phù hợp. Điều này cho thấy mặc dù hoạt động nhìn chung đáp ứng tốt yêu cầu dạy học, nhưng vẫn cần có

sự điều chỉnh nhất định để phù hợp hơn với một số đối tượng HS và điều kiện thực tế.

Nhìn chung, nội dung và cách tổ chức HĐVD được đánh giá cao về tính phù hợp và khả thi trong dạy học. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định hiệu quả của các hoạt động đã thiết kế, đồng thời cũng gợi mở hướng điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng tổ chức trong thực tiễn.

Bảng 1.15. Khả năng vận dụng

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	HS giải quyết tốt tình huống thực tiễn	17	51,5
2	HS giải quyết được tình huống thực tiễn	13	39,4
3	HS không giải quyết được tình huống thực tiễn	3	9,1
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát cho thấy khả năng vận dụng kiến thức của HS ở mức tương đối tốt. Cụ thể, có 17/33 GV (51,5%) nhận định HS giải quyết tốt các tình huống thực tiễn, và 13/33 GV (39,4%) cho rằng HS có thể giải quyết được. Như vậy, tổng cộng có tới 90,9% ý kiến đánh giá HS đã có khả năng vận dụng kiến thức ở các mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn 3/33 ý kiến (9,1%) cho rằng HS không giải quyết được các tình huống thực tiễn. Điều này cho thấy năng lực vận dụng kiến thức của HS chưa thực sự đồng đều, một bộ phận HS còn gặp khó khăn khi áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Nhìn chung, các HĐVD đã góp phần giúp HS bước đầu hình thành và phát triển khả năng giải quyết các tình huống thực tiễn. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, cần có sự điều chỉnh về mức độ nhiệm vụ và tăng cường hướng dẫn nhằm hỗ trợ HS, đặc biệt là những em còn hạn chế về năng lực vận dụng.

Bảng 1.16. Mức độ tham gia

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)
-----	-------------------	----------	-----------

1	Rất tích cực	16	48,5
2	Tích cực	14	42,4
3	Ít tham gia	3	9,1
4	Không tham gia	0	0
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát cho thấy HS tham gia khá tích cực vào các HĐVD. Cụ thể, có 16/33 ý kiến (48,5%) đánh giá HS tham gia rất tích cực và 14/33 ý kiến (42,4%) đánh giá ở mức tích cực, chiếm tổng 90,9%. Điều này chứng tỏ các HĐVD đã tạo được hứng thú và thu hút sự tham gia của đa số HS.

Bên cạnh đó, vẫn còn 3/33 ý kiến (9,1%) cho rằng HS tham gia ở mức hạn chế, tuy nhiên không có HS nào không tham gia hoạt động. Điều này cho thấy các hoạt động cơ bản đã đảm bảo sự tham gia của HS trong lớp, nhưng mức độ tích cực chưa đồng đều giữa các em.

Nhìn chung, HĐVD có khả năng phát huy tính tích cực và hứng thú học tập của HS. Tuy nhiên, GV cần có biện pháp tổ chức linh hoạt hơn nhằm khuyến khích tất cả HS tham gia tích cực và đồng đều hơn trong quá trình học tập.

Bảng 1.17. Hướng dẫn tổ chức

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Rõ ràng, dễ thực hiện	19	57,6
2	Chưa rõ ràng, khó thực hiện	6	18,2
3	Rõ ràng, không dễ thực hiện	8	24,2
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV đánh giá hướng dẫn tổ chức HĐVD là rõ ràng và có thể thực hiện được trong thực tế dạy học. Cụ thể, số ý kiến lựa chọn phương án “rõ ràng, dễ thực hiện” chiếm tỉ lệ cao, cho thấy các hoạt động được thiết kế đã đảm bảo tính cụ thể, dễ hiểu và phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học ở tiểu học.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số GV cho rằng hướng dẫn chưa thật sự rõ ràng hoặc còn gặp khó khăn khi triển khai. Điều này phản ánh thực tế rằng một số hoạt động tuy đã có định hướng nhưng chưa đủ chi tiết về cách tổ chức, chưa

dự kiến hết các tình huống sự phạm hoặc chưa phù hợp hoàn toàn với trình độ HS và điều kiện lớp học.

Nhìn chung, các HĐVD đã có hướng dẫn tương đối rõ ràng và có tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho GV trong quá trình tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả, cần tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn theo hướng cụ thể hóa các bước tổ chức, tăng cường gợi ý hỗ trợ và đảm bảo tính linh hoạt nhằm giúp GV dễ dàng áp dụng trong nhiều bối cảnh dạy học khác nhau.

Bảng 1.18. Khả năng áp dụng

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Có khả năng áp dụng rộng rãi	25	75,8
2	Không có khả năng áp dụng rộng rãi	8	24,2
Tổng		33	100

Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV đánh giá các HĐVD có khả năng áp dụng rộng rãi trong thực tiễn dạy học. Số ý kiến lựa chọn phương án “có khả năng áp dụng rộng rãi” chiếm tỉ lệ cao, điều này chứng tỏ các hoạt động được thiết kế không chỉ phù hợp về mặt lý thuyết mà còn đảm bảo tính thực tiễn, có thể triển khai trong nhiều điều kiện dạy học khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ GV cho rằng các hoạt động chưa có khả năng áp dụng rộng rãi. Nguyên nhân có thể xuất phát từ sự khác biệt về điều kiện cơ sở vật chất, trình độ HS, hoặc yêu cầu tổ chức hoạt động còn tương đối phức tạp, đòi hỏi GV phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

Nhìn chung, các HĐVD đã thể hiện được tính khả thi và giá trị ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy môn TN&XH lớp 2. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa khả năng áp dụng rộng rãi, cần tiếp tục điều chỉnh hoạt động theo hướng linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng HS và điều kiện dạy học khác nhau, đồng thời hỗ trợ GV trong quá trình triển khai.

Về ý kiến nhận xét, đánh giá khác của thầy (cô)

Thông qua câu hỏi mở, các GV đã đưa ra nhiều ý kiến nhận xét và góp ý liên quan đến việc thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2. Các ý kiến được tổng hợp và phân thành một số nhóm chính như sau:

Thứ nhất, nhiều GV đánh giá các HĐVD được thiết kế có ý nghĩa thiết thực, góp phần giúp HS hiểu bài sâu hơn và biết liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống. Một số ý kiến cho rằng HĐVD đã tạo hứng thú học tập, giúp HS tích cực tham gia và phát huy được tính chủ động, sáng tạo.

Thứ hai, một số GV đề xuất cần cụ thể hóa hơn nữa hướng dẫn tổ chức hoạt động, đặc biệt là các bước triển khai, cách giao nhiệm vụ và tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập. Điều này nhằm giúp GV dễ dàng áp dụng và đảm bảo hiệu quả trong quá trình thực hiện.

Thứ ba, nhiều ý kiến nhấn mạnh sự cần thiết của việc bổ sung học liệu, phương tiện dạy học và tăng cường tập huấn cho GV về phương pháp tổ chức HĐVD. Bên cạnh đó, một số GV cũng cho rằng cần có sự điều chỉnh linh hoạt về thời gian để HĐVD được triển khai đầy đủ và hiệu quả hơn.

Nhìn chung, các ý kiến đánh giá đều thể hiện sự đồng thuận cao về vai trò và hiệu quả của HĐVD trong dạy học. Đồng thời, những góp ý của GV là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục hoàn thiện quy trình thiết kế và tổ chức HĐVD, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn TN&XH lớp 2.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương 2, đề tài đã tập trung vào việc đề xuất và thiết kế HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.

Trước hết, trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã trình bày ở chương 1, đề tài đã xây dựng các nguyên tắc thiết kế HĐVD, đảm bảo tính mục tiêu, tính thực tiễn, tính phù hợp với đặc điểm HS lớp 2 và điều kiện dạy học ở tiểu học. Đồng thời, đề tài cũng đã đề xuất quy trình thiết kế HĐVD gồm các bước cụ thể, giúp GV dễ dàng áp dụng trong thực tiễn giảng dạy.

Trên cơ sở đó, đề tài đã tiến hành thiết kế một số HĐVD cụ thể thuộc các chủ đề “Thực vật và Động vật” và “Trường học”. Các hoạt động được xây dựng theo hướng gắn với tình huống thực tiễn, đa dạng về hình thức như: liên hệ thực tế, thảo luận nhóm, đóng vai, trải nghiệm... qua đó tạo điều kiện cho HS được tham gia tích cực, chủ động và phát huy khả năng vận dụng kiến thức vào đời sống.

Kết quả đánh giá thông qua phiếu khảo sát GV cho thấy, các HĐVD được thiết kế có tính khả thi và hiệu quả. Đa số GV nhận xét rằng mục tiêu hoạt động rõ ràng, nội dung phù hợp với HS, hình thức tổ chức đa dạng và HS tham gia tích cực. Đặc biệt, các hoạt động đã góp phần giúp HS giải quyết được các tình huống thực tiễn, hiểu bài sâu hơn và hứng thú hơn trong học tập.

Bên cạnh đó, kết quả đánh giá cũng chỉ ra rằng, việc thiết kế hoạt động theo quy trình cụ thể giúp GV dễ dàng tổ chức và triển khai trong thực tế, đồng thời có khả năng áp dụng rộng rãi trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế nhất định như việc tổ chức hoạt động còn phụ thuộc vào thời gian tiết học, điều kiện cơ sở vật chất và năng lực thiết kế của GV. Đây cũng là những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện trong thực tiễn dạy học.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn về việc thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2, đề tài đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về HĐVD trong dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS. Qua đó khẳng định HĐVD giữ vai trò quan trọng trong việc giúp HS gắn kiến thức với thực tiễn, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và hình thành các phẩm chất cần thiết.

Thứ hai, kết quả khảo sát 33 GV và 418 HS lớp 2 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cho thấy, GV đã có nhận thức tương đối đúng về vai trò của HĐVD và bước đầu triển khai trong dạy học. Tuy nhiên, việc thiết kế và tổ chức hoạt động vẫn còn những hạn chế như: chưa thường xuyên đổi mới, hình thức tổ chức chưa đa dạng, còn gặp khó khăn về thời gian, học liệu và kỹ năng thiết kế hoạt động phù hợp.

Thứ ba, trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài đã xây dựng các nguyên tắc và quy trình thiết kế HĐVD gồm các bước cụ thể, rõ ràng, đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và phù hợp với đặc điểm HS lớp 2. Đây là cơ sở quan trọng giúp GV có định hướng trong quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động.

Thứ tư, đề tài đã tiến hành thiết kế 14 HĐVD tiêu biểu thuộc 2 chủ đề: “Trường học” và “Thực vật và Động vật” trong chương trình môn TN&XH lớp 2. Các hoạt động được xây dựng theo hướng gắn với tình huống thực tiễn, đa dạng về hình thức như: liên hệ thực tế, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai và hoạt động trải nghiệm, qua đó tạo điều kiện cho HS tham gia tích cực và chủ động hơn trong học tập.

Thứ năm, kết quả đánh giá thông qua ý kiến GV cho thấy, các hoạt động đã thiết kế có tính khả thi và hiệu quả cao, góp phần giúp HS hứng thú học tập, hiểu bài sâu hơn và có khả năng vận dụng kiến thức vào các tình huống thực

tiền. Đồng thời, các hoạt động cũng được đánh giá là phù hợp với đối tượng HS và có thể áp dụng rộng rãi trong dạy học.

2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu đề tài về thiết kế và tổ chức hoạt động vận dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2, đề tài đưa ra một số kiến nghị sau:

Nhà trường cần tạo điều kiện để giáo viên được tham gia các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức hoạt động vận dụng theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Cần tăng cường cơ sở vật chất, học liệu và thiết bị dạy học nhằm hỗ trợ giáo viên trong quá trình thiết kế và tổ chức các hoạt động vận dụng gắn với thực tiễn.

Giáo viên cần chủ động nghiên cứu chương trình, linh hoạt lựa chọn hình thức tổ chức hoạt động vận dụng phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm học sinh lớp 2, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh.

Trong quá trình tổ chức hoạt động vận dụng, giáo viên cần tăng cường liên hệ thực tiễn, tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm, thực hành và vận dụng kiến thức vào cuộc sống hằng ngày.

Phụ huynh cần phối hợp với giáo viên trong việc hướng dẫn, động viên học sinh thực hiện các nhiệm vụ vận dụng tại nhà, góp phần nâng cao hiệu quả học tập của học sinh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội cấp Tiểu học*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Công văn 2345/BGDĐT-GDTH*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội lớp 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Bộ Chính trị (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW* của BCH Trung ương 8 khóa XI.
6. Hoàng Phê (chủ biên) (2018), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức.
7. Lê Thị Anh Đào (2022), “Thực trạng hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường Tiểu học huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*. Số 4, trang 64.
8. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Lăng Bình (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Nguyễn Ngọc Quang (1998), *Lý luận dạy học đại cương*, NXB Giáo dục.
11. Nguyễn Thị Nhàn và Ngô Hải Chi (2023), *Tìm hiểu nội dung và phương pháp dạy học chủ đề Thực vật và Động vật*, Tài liệu nội bộ, Trường Đại học Thái Nguyên.
12. Nguyễn Văn Cường – Bernd Meier (2014), *Lý luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm.
13. Phạm Thị Ánh Hồng (2025), *Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
14. Phạm Viết Vượng (2007), *Giáo dục học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Thái Duy Tuyên (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục.

16. ThS. Võ Thị Lan Phương và Nguyễn Thị Nga (2025), *Thiết kế hoạt động vận dụng trong dạy học chủ đề Năng lượng và Sự biến đổi môn Khoa học tự nhiên 7*, Trường Đại học Hoa Lư.

17. Trần Thị Kim Cúc (2021), *Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cho học sinh thông qua dạy học trải nghiệm môn Tự nhiên và Xã hội*, Tạp chí Khoa học HNUE.

2/ Tiếng Anh

18. Darling-Hammond, L., Barron, B., Pearson, P. D., Schoenfeld, A. H., Stage, E. K., Zimmerman, T. D., Cervetti, G. N., & Tilson, J. L. (2008). *Powerful learning: What we know about teaching for understanding*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

19. Fullan, M., & Scott, G. (2014). *Education PLUS: A white paper*. Toronto, Canada: New Pedagogies for Deep Learning. Retrieved from <https://www.michaelfullan.ca/wp-content/uploads/2014/09/Education-Plus-A-Whitepaper-July-2014-1.pdf>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Tôi đã thiết kế phiếu khảo sát GV về tình hình thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2

PHIẾU KHẢO SÁT GV

NHẬN THỨC, THỰC TRẠNG THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC HĐVD TRONG DẠY HỌC MÔN TN&XH LỚP 2

Kính gửi quý thầy, cô giáo đang giảng dạy khối lớp 2!

Tôi là Bùi Thị Hải Yến, hiện đang là sinh viên lớp D15 Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hoa lư. Phiếu khảo sát này để tìm hiểu thông tin về thực trạng thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2 nhằm phục vụ cho việc làm khóa luận tốt nghiệp của tôi với đề tài “*Thiết kế HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2*”. Rất mong quý thầy, cô giáo cung cấp thông tin quý báu. Mọi thông tin mà quý thầy cô cung cấp sẽ hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn!

I. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

1. Họ và tên:
2. Đơn vị công tác:
3. Số điện thoại:
4. Email:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Khoanh tròn vào câu trả lời

1. Hoạt động “Vận dụng” là gì?
 - A. Là hoạt động giúp HS ôn lại kiến thức đã học
 - B. Là hoạt động giúp HS áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn
 - C. Là hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS
 - D. Là hoạt động giúp HS ghi nhớ kiến thức
2. Thầy (cô) có thường xuyên thiết kế, tổ chức hoạt động “Vận dụng” (khác SGK) trong dạy học không?

- A. Thường xuyên thiết kế
 - B. thỉnh thoảng thiết kế
 - C. Ít khi
3. Thầy (cô) thường tổ chức hoạt động “Vận dụng” dưới hình thức nào?
- A. Bài tập liên hệ thực tế
 - B. Thảo luận nhóm
 - C. Thực hành, hoạt động trải nghiệm
 - D. Đóng vai
4. Theo thầy (cô) HĐVD có vai trò như thế nào trong dạy học?
- A. Rất quan trọng
 - B. Quan trọng
 - C. Bình thường
 - D. Không quan trọng
5. Trong quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động “Vận dụng”, thầy (cô) gặp khó khăn gì?
- A. Khó khăn trong việc thiết kế hoạt động phù hợp
 - B. Hạn chế về thời gian trong tiết học
 - C. Thiếu học liệu, trang thiết bị hỗ trợ
 - D. Khó kiểm soát lớp, HS chưa tích cực
- Ý kiến khác:
6. Thầy (cô) có nhu cầu được cung cấp quy trình hoặc gợi ý cụ thể về thiết kế HĐVD không?
- A. Có
 - B. Không
7. Theo thầy (cô) cần làm gì để nâng cao hiệu quả hoạt động “Vận dụng”?
- A. Bổ sung học liệu
 - B. Tập huấn phương pháp, kỹ thuật dạy học
 - C. Bổ sung trang thiết bị hỗ trợ
- Ý kiến khác:

PHỤ LỤC 2

Tôi đã thiết kế phiếu khảo sát về thực trạng của HS nhận thức tri thức thông qua việc GV thiết kế và tổ chức HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

PHIẾU KHẢO SÁT HS

I. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

Họ và tên:

Lớp:

Trường:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Khoanh tròn vào câu trả lời

1. Em có thường xuyên tham gia HĐVD trong giờ học không?

A. Thường xuyên

B. thỉnh thoảng

C. Ít khi

2. Em có thích HĐVD không?

A. Rất thích

B. Thích

C. Bình thường

D. Không thích

3. Em thích hình thức HĐVD nào nhất?

A. Làm bài tập liên hệ thực tế

B. Thảo luận nhóm

C. Trò chơi, đóng vai

D. Hoạt động trải nghiệm

4. HĐVD có giúp em hiểu bài tốt hơn không?

A. Hiểu bài hơn nhiều

B. Hiểu hơn

C. Bình thường

D. Không hiểu

5. Khi tham gia HĐVD em gặp khó khăn gì?

- A. Không hiểu yêu cầu bài
- B. Không biết cách làm
- C. Ngại tham gia
- D. Không có khó khăn

Ý kiến khác:

.....

PHỤ LỤC 3

PHIẾU KHẢO SÁT

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ THIẾT KẾ HĐVD TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 2 THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

Kính gửi Thầy/Cô giáo!

Phiếu khảo sát này được thực hiện nhằm thu thập ý kiến đánh giá về HĐVD trong dạy học môn TN&XH lớp 2.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các thầy/cô. Xin chân thành cảm ơn!

Câu 1: Theo thầy/cô, mục tiêu của HĐVD trong bài học có được xác định rõ ràng, cụ thể không?

- ☐ Rõ ràng, cụ thể
- ☐ Tương đối rõ
- ☐ Chưa rõ
- ☐ Không rõ ràng

Câu 2: Nội dung và cách tổ chức HĐVD phù hợp với HS lớp 2 không?

- ☐ Rất phù hợp
- ☐ Phù hợp
- ☐ Ít phù hợp
- ☐ Không phù hợp

Câu 3: HĐVD có giúp HS ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn không?

- ☐ HS giải quyết tốt tình huống thực tiễn
- ☐ HS giải quyết được tình huống thực tiễn
- ☐ HS không giải quyết được tình huống thực tiễn

Câu 4: Các HĐVD thiết kế có tạo được sự hứng thú cho HS tích cực tham gia hay không?

- ☐ Rất tích cực
- ☐ Tích cực

- ☐ Ít tham gia
- ☐ Không tham gia

Câu 5: Theo thầy/cô, hướng dẫn tổ chức hoạt động đã rõ ràng và GV có dễ thực hiện không?

- ☐ Rõ ràng, dễ thực hiện
- ☐ Chưa rõ ràng, khó thực hiện
- ☐ Rõ ràng, không dễ thực hiện

Câu 6: Những hoạt động này có khả năng áp dụng rộng rãi trong dạy học thực tiễn không?

- ☐ Có khả năng áp dụng rộng rãi
- ☐ Không có khả năng áp dụng rộng rãi

Câu 7: Xin ý kiến nhận xét, đánh giá khác của thầy (cô)

.....

.....